



Tổ chức
Lao động
Quốc tế



▶ Tài liệu tập huấn Hướng dẫn phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Dành cho khu vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã

QUYỂN 1



▶ **Tài liệu tập huấn**
Hướng dẫn phòng ngừa,
giảm thiểu lao động trẻ em

DÀNH CHO KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

QUYỀN 1

Hà Nội, 2022

Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế [2022]

Xuất bản lần đầu năm 2022



Đây là ấn phẩm truy cập mở được phân phối theo Giấy phép Quốc tế Creative Commons Attribution 4.0 (<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>). Người dùng có thể sử dụng lại, chia sẻ, điều chỉnh và viết lại dựa trên tác phẩm gốc, theo chi tiết trong Giấy phép. ILO phải được ghi nhận là chủ sở hữu của tác phẩm gốc. Người dùng không được phép sử dụng biểu tượng của ILO trong công việc của mình.

Trích dẫn – Ấn phẩm này cần được trích dẫn như sau: *Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Quyển 1*, Tổ chức Lao động Quốc tế, 2022.

Bản dịch – Bản dịch của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Bản dịch này không phải là bản dịch của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO) và không được coi là bản dịch chính thức của ILO. ILO không chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch này.*

Bản điều chỉnh phù hợp với điều kiện địa phương – Bản điều chỉnh của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Đây là bản điều chỉnh của tác phẩm gốc của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO). Trách nhiệm đối với các quan điểm và ý kiến được thể hiện trong bản điều chỉnh chỉ thuộc về (các) tác giả của bản điều chỉnh và không được ILO phê chuẩn.*

Các câu hỏi về quyền và cấp phép xin gửi về Nhà xuất bản ILO (Quyền và Cấp phép), CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ hoặc qua email rights@ilo.org.

Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.
Quyển 1

ISBN 9789220366172 (print); 9789220366189 (web PDF)

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và ILO không chứng thực cho những ý kiến được đưa ra trong ấn phẩm.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó, và việc không được nhắc đến trong ấn phẩm không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó.

Truy cập trang web www.ilo.org/publns để có thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO.
www.ilo.org/publns.

Sản phẩm này được thực hiện từ nguồn hỗ trợ Bộ Lao động Hoa Kỳ tài trợ theo Thỏa thuận Hợp tác số IL-26682-14-75-K-11. Một trăm phần trăm tổng chi phí Dự án do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ với tổng số tiền là 10 triệu đô la. Tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay các chính sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ, cũng như việc đề cập đến thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào không có nghĩa bao hàm sự chứng thực của Chính phủ Hoa Kỳ.

In tại Việt Nam

► Lời nói đầu

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) là tổ chức đại diện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thành viên khác tự nguyện tham gia, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức thành viên, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển phong trào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, góp phần ổn định chính trị, an sinh xã hội và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tổ chức của VCA được kiện toàn từ Trung ương đến tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. VCA xây dựng được một hệ thống tổ chức liên kết, hỗ trợ, tư vấn cho các hợp tác xã, bao gồm hệ thống các trường đào tạo, bồi dưỡng; viện nghiên cứu; doanh nghiệp trực thuộc; trung tâm tư vấn hỗ trợ, cơ sở đào tạo, dạy nghề, xúc tiến thương mại,... VCA quan hệ hợp tác với 125 tổ chức quốc tế và đại diện hợp tác xã ở các nước; là thành viên Tổ chức Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA); thành viên Liên minh Hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ICA-AP), thành viên Liên minh Hợp tác xã Nghề cá quốc tế. Cùng với phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), VCA là đối tác ba bên của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) với trách nhiệm đại diện cho giới sử dụng lao động trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã ở Việt Nam.

Kể từ khi Luật Hợp tác xã đầu tiên được Quốc hội thông qua năm 1996 đến Luật Hợp tác xã năm 2003 và Luật Hợp tác xã năm 2012 đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho khu vực hợp tác xã phát triển.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, nhất là việc ký kết và triển khai các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới (FTAs) đòi hỏi các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã muốn phát triển lớn mạnh, thì tất yếu phải đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện môi trường kinh doanh, cam kết tuân theo những tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc hàng hoá, xoá bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc, cấm sử dụng lao động trẻ em, xoá bỏ hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp,... hay các yêu cầu cao hơn của khách hàng.

Bộ tài liệu "Hướng dẫn phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã" được xây dựng trong khuôn khổ "Dự án Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em tại Việt Nam (ENHANCE)" của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) do Bộ Lao động Hoa Kỳ hỗ trợ có mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy cho khu vực kinh tế tập thể của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đồng thời hướng tới việc nâng cao nhận thức, hành động hiệu quả trong công cuộc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em của đội ngũ cán bộ hợp tác xã và các bên liên quan.

Trân trọng giới thiệu bộ tài liệu này tới đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân đang công tác trong lĩnh vực tư vấn hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và công tác về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Nguyễn Ngọc Bảo

Chủ tịch

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

► Mục lục

Lời nói đầu	3
Danh mục từ viết tắt	7
Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu	8
1. Giới thiệu chung	8
2. Mục tiêu của bộ tài liệu	8
3. Đối tượng sử dụng bộ tài liệu	8
4. Hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu	8
4.1. Cấu trúc bộ tài liệu	8
4.2. Hướng dẫn sử dụng	9
► Module 1. Những vấn đề về lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	10
Bài 1. Các khái niệm cơ bản	11
1. Trẻ em	11
1.1. Luật pháp quốc tế	11
1.2. Luật pháp Việt Nam	11
2. Quyền trẻ em	11
2.1. Luật pháp quốc tế	11
2.2. Luật pháp Việt Nam	12
3. Lao động trẻ em	12
3.1. Luật pháp quốc tế	12
3.2. Luật pháp Việt Nam	13
Bài 2. Thực trạng lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	14
1. Tình hình chung	14
2. Nguy cơ lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	15
Bài 3. Nguyên nhân, hậu quả của lao động trẻ em	18
1. Nguyên nhân	18
2. Hậu quả	19

► **Module 2. Nhận diện lao động trẻ em**

21

Bài 1. Một số khái niệm liên quan đến lao động trẻ em	22
1. Tuổi lao động tối thiểu	22
1.1. Theo luật pháp quốc tế	22
1.2. Theo luật pháp Việt Nam	22
2. Công việc nhẹ	23
3. Những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất	23
3.1. Theo luật pháp quốc tế	23
3.2. Theo luật pháp Việt Nam	24
Bài 2. Nhận diện lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	25
I. Các tiêu chí nhận diện lao động trẻ em	25
1. Tuổi và giờ làm việc	25
2. Loại công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên	26
3. Nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên	26
4. Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất	27
II. Nhận diện LĐTE trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	27
Bài 3. Cơ sở pháp lý và chế tài xử lý vi phạm	30
1. Cơ sở pháp lý về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	30
1.1. Luật pháp quốc tế	30
1.2. Luật pháp Việt Nam	31
2. Các chế tài xử lý vi phạm LĐTE ở Việt Nam	33

► **Module 3. Hành động của các hợp tác xã trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em**

36

Bài 1. Vai trò và lợi ích của hợp tác xã trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	37
1. Lợi ích của việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	37
1.1. Tuân thủ luật pháp	37
1.2. Tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới	37
1.3. Quản trị rủi ro trong kinh doanh	38
1.4. Xây dựng uy tín, thể hiện đạo đức kinh doanh	38
2. Vai trò của hợp tác xã trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	38

Bài 2. Huy động sự tham gia trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	40
1. Đối với trẻ em tham gia lao động	40
1.1. Tham vấn ý kiến đối tượng chịu ảnh hưởng	40
1.2. Tham vấn ý kiến của gia đình	41
1.3. Kết nối thông tin giữa trẻ em tham gia lao động, gia đình và cơ sở sử dụng lao động	41
2. Huy động sự tham gia của các bên liên quan	42
3. Xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên liên quan	42
Bài 3. Lập kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã	43
1. Đối với khu vực KTTT, HTX	43
1.1. Rà soát, đánh giá chuỗi sản xuất và cung ứng	44
1.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE	45
1.3. Nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm soát	46
1.4. Xây dựng các chính sách	46
1.5. Tổ chức sản xuất tập trung (nếu phù hợp)	47
1.6. Phối hợp với các bên liên quan	47
2. Lập kế hoạch hành động	48

► **Module 4. Phụ lục**

50

Phụ lục 1. Bộ Luật lao động năm 2019	51
Phụ lục 2. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH	53
Phụ lục 2.1. Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm	53
Phụ lục 2.2. Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm h, Khoản 1, Điều 147 của Bộ Luật lao động	54
Phụ lục 2.3. Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm đ, Khoản 2, Điều 147 của Bộ Luật lao động	58
Phụ lục 2.4. Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm	59
Phụ lục 3. Luật Hình sự năm 2017	60
Phụ lục 4. Các website liên quan	62

► **Danh mục tài liệu tham khảo**

63

► Những từ viết tắt

Từ viết tắt	Nghĩa của từ
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
VCA	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
BỘ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
LHQ	Liên hiệp quốc
DN	Doanh nghiệp
KTTT	Kinh tế tập thể
HTX	Hợp tác xã
LĐTE	Lao động trẻ em
NNĐHNH	Nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SX	Sản xuất

► Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu

1. Giới thiệu chung

Bộ tài liệu "Hướng dẫn phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã" là tài liệu hướng dẫn giảng dạy cho đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ hợp tác xã thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, được chuyên gia của Trường Bồi dưỡng cán bộ biên soạn từ các tài liệu của "Dự án Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em tại Việt Nam (ENHANCE)" và bổ sung, hiệu chỉnh cho phù hợp với điều kiện của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Bộ tài liệu gồm có 2 quyển:

- Quyển 1. Tài liệu phát (cho giảng viên, học viên, cán bộ HTX).
- Quyển 2. Tài liệu hướng dẫn giảng viên.

2. Mục tiêu của bộ tài liệu

- Hỗ trợ, hướng dẫn giảng viên giảng dạy khoá tập huấn "Hướng dẫn phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã".
- Cung cấp tài liệu về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã; sử dụng trong các khoá đào tạo giảng viên, đào tạo đội ngũ cán bộ hợp tác xã.
- Cung cấp tài liệu, nâng cao nhận thức cho các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và trong công tác bảo vệ trẻ em.

3. Đối tượng sử dụng bộ tài liệu

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ làm công tác đào tạo, tư vấn thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
- Đội ngũ thành viên, cán bộ hợp tác xã và tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực KTTT, HTX.
- Các đơn vị đào tạo, ban tổ chức các lớp tập huấn.
- Những đối tượng khác có quan tâm đến công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

4. Hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu

4.1. Cấu trúc bộ tài liệu

Bộ tài liệu gồm 02 quyển:

* **Quyển 1. Tài liệu phát (cho giảng viên, học viên, cán bộ HTX), bao gồm các nội dung:**

- Module 1. Những vấn đề về lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã
Module này giới thiệu các khái niệm cơ bản về trẻ em, LĐTE; Khái quát vấn đề lao động trẻ em; Thực trạng LĐTE trong khu vực KTTT, HTX; Nguyên nhân và hậu quả.
- Module 2. Nhận diện lao động trẻ em
Module này đưa ra các khái niệm liên quan đến tiêu chí nhận diện LĐTE và tập trung phân tích 04 tiêu chí nhận diện đồng thời áp dụng để nhận diện LĐTE trong khu vực KTTT, HTX.

- Module 3. Hành động của các HTX đối với công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
Module này nhấn mạnh vai trò, sự tham gia của các HTX đồng thời hướng dẫn các HTX lập kế hoạch hành động nhằm phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE trong khu vực KTTT, HTX.
- Module 4. Phụ lục
Module này cung cấp các tài liệu tham khảo liên quan đến luật pháp quốc tế, luật pháp Việt Nam về LĐTE.

* **Quyển 2. Tài liệu hướng dẫn giảng viên, bao gồm các nội dung:**

- Phần A. Lập kế hoạch bài giảng
Phần này bao gồm mục tiêu, chương trình học; hướng dẫn thực hiện các hoạt động đầu khoá, các hoạt động cuối khoá; hướng dẫn lập kế hoạch bài giảng. Tương ứng với nội dung của quyển 1, phần "Lập kế hoạch bài giảng" bao gồm các nội dung:
 - (i) *Hướng dẫn lập kế hoạch bài giảng module 1 "Những vấn đề về lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã".*
 - (ii) *Hướng dẫn lập kế hoạch bài giảng module 2 "Nhận diện lao động trẻ em".*
 - (iii) *Hướng dẫn lập kế hoạch bài giảng module 3 "Hành động của các HTX Việt Nam đối với công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em".*
 - (iv) *Phụ lục*
Phần này cung cấp các bài tập tình huống và đáp án bài tập nhằm hỗ trợ giảng viên trong quá trình thực hiện các bài giảng.
- Phần B. Phương pháp tập huấn cho người lớn
Phần này giới thiệu tổng quan về các đặc điểm học tập của người lớn; các phương pháp, kỹ năng giảng dạy phù hợp với sự tiếp nhận thông tin của người lớn.
- Phần C. Bài tập khởi động
Phần này hướng dẫn sử dụng một số bài tập khởi động sử dụng trong khoá tập huấn nhằm tạo không khí vui vẻ, cởi mở và tiếp thêm động lực cho những người tham gia.

4.2. Hướng dẫn sử dụng

a, Đối với giảng viên

Căn cứ nhu cầu, yêu cầu của từng lớp tập huấn, giảng viên cần chuẩn bị và thực hiện những công việc sau:

- Xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình cụ thể.
- Biên soạn, chuẩn bị kế hoạch bài giảng.
- Thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá cuối khóa.
- Lựa chọn phương pháp truyền tải phù hợp với đối tượng học viên, giảm thiểu tối đa giao tiếp một chiều.

b, Đối với ban tổ chức

- Chuẩn bị cơ sở vật chất cho lớp học (hội trường, ăn, nghỉ của giảng viên, học viên).
- Chiêu sinh đúng đối tượng, số lượng.
- Chuẩn bị hậu cần (văn phòng phẩm, tài liệu phát,...
- Lịch học tránh lịch mùa vụ, khoảng thời gian trước và sau các ngày lễ, Tết.

Module

1

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

Mục tiêu

Sau khi kết thúc module 1, học viên có thể:

- Hiểu rõ các khái niệm liên quan đến lao động trẻ em.
- Nắm được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của lao động trẻ em.

Nội dung chính

Bài 1. Các khái niệm cơ bản

Bài 2. Thực trạng lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Bài 3. Nguyên nhân, hậu quả của lao động trẻ em

Bài 1

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1. Trẻ em

1.1. Luật pháp quốc tế

Theo Công ước Liên hiệp quốc (LHQ) về Quyền trẻ em "Trẻ em là người dưới 18 tuổi trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em quy định tuổi thành niên sớm hơn".

Thuật ngữ "Trẻ em" áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi (Điều 2, Công ước số 182 của ILO về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999).

1.2. Luật pháp Việt Nam

Bên cạnh khái niệm "Trẻ em", luật pháp Việt Nam còn có khái niệm "Người chưa thành niên" và "Người lao động chưa thành niên". Cụ thể như sau:

- Trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016).
- Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi (Khoản 1, Điều 21 Bộ luật dân sự năm 2015).
- Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi (Khoản 1, Điều 143, Bộ Luật lao động năm 2019).

2. Quyền trẻ em

2.1. Luật pháp quốc tế

Quyền trẻ em được xác lập trong "Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC)", được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1989. Công ước có 54 điều khoản, trong đó tuyên bố đầy đủ, toàn diện về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà tất cả trẻ em ở khắp mọi nơi trên thế giới được hưởng.

Quyền trẻ em được chia thành 04 nhóm chính:

- Quyền sống còn
- Quyền phát triển
- Quyền được bảo vệ
- Quyền tham gia

- Quyền sống còn: Là quyền của trẻ được sống và được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản để giúp trẻ tồn tại, bao gồm mức sống đầy đủ, có nơi ở, đủ dinh dưỡng và được chăm sóc sức khỏe.
- Quyền phát triển: Bao gồm những quyền nhằm mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống của trẻ em và đảm bảo trẻ em có thể đạt được tiềm năng tối đa của sự phát triển bao gồm thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức và xã hội.
- Quyền được bảo vệ: Bao gồm những quy định nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi tình huống ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của trẻ. Đặc biệt, việc bảo vệ trẻ em gắn liền với sự chăm sóc và chỉ bảo của cha mẹ, các thành viên trong gia đình, người bảo trợ về mặt luật pháp và những người khác như thầy cô giáo, cán bộ y tế,... Bảo vệ trẻ em bao gồm cả việc chăm sóc trẻ em tạm thời hoặc vĩnh viễn khi trẻ bị mất đi môi trường gia đình, bảo vệ khỏi bị bóc lột sức lao động, bị xâm hại tình dục, mua bán và bị lạm dụng ma túy, bảo vệ khỏi ảnh hưởng các cuộc xung đột vũ trang, những tình trạng khẩn cấp do con người hoặc thiên tai gây nên.
- Quyền tham gia: Quy định người lớn phải tạo mọi điều kiện cho sự tham gia của trẻ để đảm bảo vai trò tích cực của trẻ em đối với cộng đồng và môi trường các em sống, bao gồm quyền được tự do bày tỏ ý kiến, đóng góp tiếng nói vào những vấn đề liên quan đến cuộc sống của trẻ.

2.2. Luật pháp Việt Nam

Điều 5, Luật trẻ em năm 2016 quy định 05 nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em như sau:

- (1) Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình.
- (2) Không phân biệt đối xử với trẻ em.
- (3) Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em.
- (4) Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.
- (5) Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương.

Ngoài ra, Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có 25 quyền, trong đó có những quyền như: quyền sống, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được chăm sóc nuôi dưỡng, quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu, quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động,...

3. Lao động trẻ em

3.1. Luật pháp quốc tế

"*Lao động trẻ em*" được xác định là công việc khiến trẻ em mất đi tuổi thơ, tiềm năng và nhân cách, có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ, bao gồm cả việc cản trở khả năng đến trường. Bao gồm:

- (i) Những công việc nguy hiểm và gây hại cho trẻ em về mặt tinh thần, thể chất, xã hội hay đạo đức, nhân phẩm;
- (ii) Những công việc cản trở việc học tập của các em do lấy đi cơ hội học tập của các em, buộc các em phải nghỉ học sớm và buộc các em phải kết hợp việc học với làm việc nặng nhọc và trong nhiều giờ”.

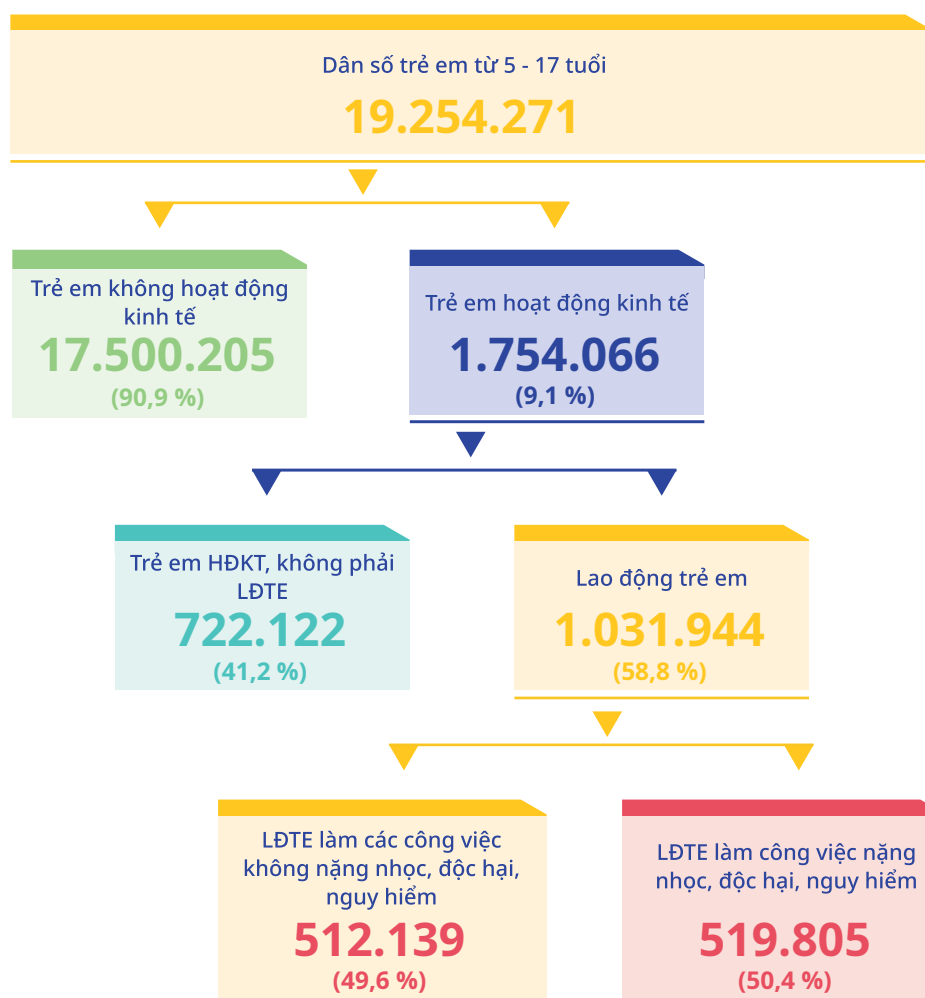
(Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO)

3.2. Luật pháp Việt Nam

Việt Nam chưa có định nghĩa chính thức về LĐTE. Tuy nhiên, căn cứ luật pháp quốc tế và quốc gia, Bộ LĐTBXH (Tài liệu tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em - tài liệu dành cho giảng viên, 2018) đưa ra khái niệm về LĐTE như sau: "Lao động trẻ em được hiểu là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động, cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách của trẻ em".

Bài 2**THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG
KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ****1. Tình hình chung**

Lao động trẻ em để lại nhiều hậu quả tiêu cực đến sự phát triển nguồn nhân lực quốc gia, bản thân trẻ em, gia đình và cộng đồng. Chính vì vậy, ngăn ngừa và giảm thiểu LĐTE là vấn đề được nhiều quốc gia quan tâm, trong đó có Việt Nam. Về mặt luật pháp, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trong khu vực và trên thế giới phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc. Đồng thời Việt Nam cũng đã phê chuẩn hai công ước cơ bản của ILO liên quan đến LĐTE là Công ước số 138 (1973) về độ tuổi tối thiểu; Công ước số 182 (1999) về các hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Cùng với việc phê chuẩn các công ước quốc tế, Việt Nam cũng đã hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ trẻ em, giảm thiểu và loại trừ LĐTE. Vấn đề LĐTE đang từng bước được cải thiện và có những chuyển biến tích cực. Quy mô và xu hướng trẻ em tham gia lao động giảm mạnh, tình trạng đi học của trẻ em tham gia lao động được cải thiện rõ rệt.



Nguồn: ILO, Tổng Cục Thống kê, Bộ LĐTBXH, Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018 - các kết quả chính, 2020.

Tuy nhiên vấn đề LĐTE ở Việt Nam cần tiếp tục có sự đầu tư, quan tâm nhiều hơn của nhà nước và cộng đồng. Kết quả điều tra LĐTE năm 2018 do Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Tổng cục thống kê thực hiện với sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của ILO cho thấy bức tranh tổng quan về LĐTE ở Việt Nam.

Có thể thấy trẻ em trong độ tuổi từ 5-17 ở Việt Nam đã tham gia hoạt động kinh tế là khá lớn, cứ 11 trẻ em trong độ tuổi này thì có một em tham gia hoạt động kinh tế. Trong số này có tới 58,8% là lao động trẻ em và nếu so với tổng dân số trẻ em từ 5-7 tuổi thì LĐTE chiếm tới 5,4%, đồng nghĩa với việc số trẻ em này thiếu đi cơ hội phát triển bình thường và việc sử dụng những lao động này là vi phạm pháp luật. Riêng khu vực KTTT, HTX, ranh giới giữa trẻ em tham gia lao động, hoạt động kinh tế và LĐTE là rất mong manh do đặc thù là sản xuất nhỏ, lẻ, phân tán và phần lớn sử dụng lao động của hộ; chủ hộ chưa nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật mà chỉ coi đó là việc trẻ giúp gia đình khi không phải đi học.

Vấn đề khá nghiêm trọng đối với LĐTE là có tới hơn 50% LĐTE làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và trong số này, trẻ em trai chiếm tới 67,2%.

Về ngành nghề kinh tế, có 53,6% LĐTE làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; 20,8% trong khu vực dịch vụ; 23,7% trong khu vực công nghiệp và xây dựng. Khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm tới hơn ½ số LĐTE do đây là lĩnh vực ít đòi hỏi về kiến thức, kỹ năng và chủ yếu là trẻ em tham gia hoạt động sản xuất của gia đình như là tính trách nhiệm của trẻ trong kinh tế hộ.

Trong số hơn một triệu LĐTE thì phần lớn sống ở khu vực nông thôn, chiếm tới 84%. Tỷ lệ này cũng tương đồng với trẻ em tham gia hoạt động kinh tế với 85% sống ở vùng nông thôn. Như vậy, nguy cơ sử dụng LĐTE ở khu vực KTTT, HTX là rất cao.

2. Nguy cơ lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Một số nguy cơ sử dụng LĐTE ở các hộ gia đình trong chuỗi sản xuất, cung ứng của HTX:

- **Thời gian lao động kéo dài hoặc không xác định, làm ảnh hưởng đến các hoạt động học tập, vui chơi của trẻ.**

Không giống như các hoạt động lao động ở trong các cơ sở SXKD, lao động hưởng lương có sự thỏa thuận rõ ràng về thời gian lao động thì lao động trong hộ gia đình là linh hoạt, ít có thời gian biểu cụ thể, tùy thuộc vào:

- Nhân lực của hộ: Nhân khẩu của hộ gia đình thường là lực lượng lao động chính và bản thân trẻ em cũng phải chia sẻ, làm thay nhiều công việc của người lớn. Theo kết quả điều tra quốc gia về LĐTE 2018, so với trẻ em tham gia hoạt động kinh tế, vị thế công việc của LĐTE đã có sự thay đổi đáng kể, đặc biệt là gia tăng số lượng trẻ em làm các công việc được trả lương và giảm số lượng LĐTE là lao động hộ gia đình nhưng vẫn còn ở mức 40,5%. Địa điểm làm việc của LĐTE khá đa dạng: 24,7% LĐTE làm việc tại nhà; 12,1% tại các trang trại, ruộng vườn; đặc biệt, có gần 1,7% LĐTE làm việc ở môi trường nước (sông suối, ao hồ). Với những hộ gia đình có quy mô nhân khẩu nhỏ, neo người thì trẻ em thường phải cáng đáng nhiều công việc gia đình, thậm chí tham gia vào hoạt động SXKD mà đáng lẽ việc này là của những người trưởng thành. Các

công việc mà các em thường phải tham gia là các công việc trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp. Ngoài ra còn có các công việc khác như trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác, nuôi trồng thủy sản. Đây là những công việc nằm trong nhóm nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với LĐ chưa thành niên.

- Hoạt động mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp: Trường hợp học sinh nghỉ học để tham gia sản xuất nông nghiệp trong các mùa vụ là khá phổ biến.
 - Tận dụng mọi thời gian để gia tăng sản phẩm hoặc dịch vụ, dẫn đến thời gian lao động kéo dài hoặc những thời điểm không phù hợp với trẻ em như làm việc vào ban đêm.
- **Môi trường sống và làm việc không tốt, thậm chí có các yếu tố độc hại:**
 - Trong sản xuất nông, lâm, thủy sản: Thường làm việc trong điều kiện ngoài trời, có điều kiện thời tiết khắc nghiệt và có sử dụng các hóa chất.
 - Các làng nghề thủ công, hoạt động sản xuất, chế biến: Nơi sống thường cũng là nơi làm việc, chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi, hóa chất.
 - Các hoạt động dịch vụ như vận tải, du lịch: Môi trường tiếp xúc xã hội thường không phù hợp với lứa tuổi của trẻ.
 - Các hộ gia đình thường ít chú trọng đến điều kiện làm việc cho trẻ em, dẫn đến tư thế làm việc, nhiệt độ, tiếng ồn, khói bụi,... Không phù hợp với trẻ em.
 - **Nguy cơ xảy ra các tai nạn lao động:**
 - Sử dụng các công cụ lao động trong khi trẻ em thường chưa đủ thể lực cũng như kỹ năng.
 - Các biện pháp bảo hộ lao động, an toàn lao động trong các hộ gia đình thường bị coi nhẹ, điều kiện làm việc chưa đảm bảo an toàn lao động. Ước tính từ cuộc điều tra cho thấy: 27,7% LĐTE làm việc trong điều kiện tiếp xúc khói bụi, rác; 11% làm việc ở những nơi quá nóng hoặc quá lạnh; trên 8% phải làm việc trong môi trường tiếp xúc với hoá chất và 3% phải làm việc ở môi trường dưới nước.
 - **Làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:**
 - Lao động nặng nhọc, nguy hiểm dành cho người trưởng thành, tuy nhiên trong hộ gia đình thì trẻ em thường vẫn tham gia phụ giúp, đặc biệt là trong những thời điểm thiếu nhân lực của hộ. Theo kết quả điều tra về LĐTE 2018, trong tổng số LĐTE, tỷ lệ LĐTE NNĐHNH ở khu vực nông thôn chiếm 48,8% và 43% là lao động hộ gia đình.
 - Đặc thù ngành nghề của hộ gia đình như lò rèn, chế tác đá, sản xuất vật liệu xây dựng,... mà trẻ em trong các hộ gia đình này cũng thường tham gia các công đoạn với mục tiêu học nghề, thậm chí là lao động trực tiếp trong các môi trường có nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn, khói bụi,... gây nguy hại đến sự phát triển thể chất của trẻ.

Theo Điều tra quốc gia về lao động trẻ em tại Việt Nam 2018¹, những rủi ro, tai nạn, thương tích lao động trẻ em thường gặp:



- Lao động trẻ em trong nông nghiệp:**

Theo Điều tra Quốc gia về LĐTE năm 2018, LĐTE làm việc trong khu vực nông nghiệp chiếm hơn một nửa (53,6%) trong tổng số LĐTE. LĐTE trong nông nghiệp thường bị bỏ qua và không được chú ý đến vì phần lớn các em là lao động gia đình không được trả lương, làm việc trong khu vực phi chính thức, tại các cơ sở sản xuất hộ gia đình, các trang trại quy mô nhỏ phân tán hoặc các cơ sở kinh doanh nông thôn. Thực tế này đòi hỏi cần có sự quan tâm và hành động của các HTX cũng như sự tham gia của các tác nhân chủ chốt trong nông nghiệp vào nỗ lực của toàn xã hội nhằm xóa bỏ lao động trẻ em nói chung và LĐTE trong nông nghiệp nói riêng.

¹ ILO, Tổng Cục Thống Kê, Bộ LĐTBX, 2018

Bài 3

NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ CỦA LAO ĐỘNG TRẺ EM

1. Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em tham gia lao động, tham gia các hoạt động kinh tế và tạo thu nhập. Cụ thể như sau:

- **Nghèo đói:** Đây là nguyên nhân cơ bản đầu tiên và cũng được coi là nguyên nhân chính dẫn đến lao động trẻ em. Khi các gia đình không có đủ thu nhập cho sinh hoạt, không đủ khả năng tài chính để chi trả học phí, họ sẽ không cho con đến trường và buộc phải để con đi làm kiếm thêm thu nhập cho gia đình.
- **Nhận thức về vấn đề LĐTE của cha mẹ và cộng đồng:** Cha mẹ có quan điểm "Lao động là nghĩa vụ và trách nhiệm của con cái", vì vậy họ sớm đẩy để các em tham gia vào thị trường lao động.
- **Khả năng tiếp cận và chất lượng của dịch vụ giáo dục:** Nhiều khu vực không có hoặc thiếu trường học, trường học ở xa, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa. Bên cạnh đó, trong các khu công nghiệp - nơi không có các cơ sở giáo dục hoặc con em của người lao động di cư gặp khó khăn khi đi xin học tại nơi bố mẹ đến làm việc.
- **Yếu tố cung - cầu của thị trường lao động:** Gia đình/bản thân trẻ (bên cung) mong muốn tham gia thị trường lao động để phụ giúp gia đình tạo thu nhập; Người sử dụng LĐTE (bên cầu) muốn thuê trẻ em lao động với chi phí rẻ hơn để tiết giảm chi phí nhân công, chi phí sản xuất kinh doanh.
- **Hiệu lực và hiệu quả của luật pháp, chính sách có liên quan đến LĐTE:** Công tác giám sát/thanh tra về LĐTE, bao gồm cả vấn đề thực hiện luật pháp, chính sách có liên quan đến LĐTE chưa mạnh mẽ, thường xuyên. Chưa có hệ thống giám sát LĐTE ở cấp quốc gia, cũng như cấp cộng đồng. Phần lớn các trường hợp LĐTE tồn tại trong khu vực kinh tế phi chính thức, đây cũng là khu vực thanh tra về LĐTE chưa chú trọng.
- **Tác động của thiên tai, dịch bệnh:** Thiên tai, lũ lụt và đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế, thu nhập của nhiều gia đình, gia tăng tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm và hiện có nguy cơ làm gia tăng tình trạng LĐTE. Sự thu hẹp kinh tế làm giảm cơ hội trong thị trường lao động của cha mẹ, có thể đẩy con cái họ phải đi lao động kiếm sống, thậm chí làm công việc nguy hiểm và bị bóc lột. Các hộ gia đình có thể sử dụng lao động trẻ em để đối phó với tình trạng mất việc làm. Việc trường học tạm thời đóng cửa và những áp lực về kinh tế sẽ có khả năng khiến trẻ em phải bỏ học - đẩy trẻ em phải tham gia lao động.

Các nguyên nhân khác. Theo điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018 có 4 nguyên nhân chính từ phía trẻ em tham gia các hoạt động kinh tế và LĐTE là:

- (i) Thu nhập cho bản thân và gia đình;
- (ii) Mong muốn tham gia vào hoạt động SXKD của hộ gia đình;

(iii) Mong muốn học nghề/có nghề;

(iv) Không đi học.

Kết quả điều tra cũng chỉ rõ:

- Trong số trẻ em tham gia lao động, cứ 3 trẻ thì có 1 trẻ tham gia lao động vì nguyên nhân muốn được tham gia vào quá trình SXKD của hộ gia đình; cứ 4 trẻ thì có 1 trẻ tham gia lao động vì nguyên nhân tạo thu nhập cho bản thân và cho gia đình. Nguyên nhân tạo thu nhập tăng mạnh từ nhóm trẻ hoạt động kinh tế (24,1%) đến nhóm LĐTE (xấp xỉ 30%) và đến nhóm LĐTE nặng nhọc nguy hiểm độc hại (39,6%).
- Tham gia lao động có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em, càng tham gia lao động nhiều trẻ em càng không có cơ hội được đi học. Tỷ lệ trẻ em không đi học ở nhóm trẻ hoạt động kinh tế (gần 37%), ở nhóm LĐTE (trên 50%) và nhóm LĐTE nặng nhọc nguy hiểm độc hại là 61,4%.
- Trong các nguyên nhân này thì nguyên nhân liên quan đến thu nhập và mong muốn tham gia hoạt động SXKD của hộ gia đình là 2 nguyên nhân chiếm tới gần 2/3 số LĐTE.

2. Hậu quả

a, Đối với bản thân trẻ em

LĐTE làm ảnh hưởng đến tương lai của trẻ do:

- Trẻ em bị mất cơ hội học tập (không được đến trường hoặc phải bỏ học sớm hoặc học kém) do phải dành thời gian để lao động và bỏ lỡ các cơ hội để phát triển các kỹ năng cần thiết để chuẩn bị một tương lai tốt hơn cho chính mình và để có một công việc thỏa đáng trong tương lai. Về lâu dài, trẻ em không có cơ hội để phát triển, phải tiếp tục kiếm sống bằng những công việc lao động chân tay với mức thu nhập thấp hoặc lâm vào tình trạng thất nghiệp, và vì thế phần lớn trẻ em lại rơi vào vòng quay luẩn quẩn của đói nghèo, lạc hậu.
- Trẻ em có thể bị tổn hại sức khỏe (thể chất và tinh thần) do bị bóc lột sức lao động hoặc tai nạn lao động gây tàn tật vĩnh viễn hoặc bị xâm hại tình dục gây ra những tổn thương tâm lý, tinh thần gây ảnh hưởng đến suốt quãng đời còn lại.
- Những trẻ em lao động tự do, đặc biệt là trẻ em làm việc trên đường phố sẽ có nguy cơ bị lôi kéo, sa ngã vào các tệ nạn xã hội, các hoạt động tội phạm hoặc trở thành nạn nhân của buôn bán người, xâm hại và bóc lột tình dục, lây nhiễm bệnh tật (các bệnh xã hội, HIV/AIDS).

b, Đối với gia đình, cộng đồng

LĐTE làm ảnh hưởng đến tình trạng đói nghèo của gia đình và cộng đồng do:

- Trẻ em có thể bị tai nạn lao động dẫn đến việc sức khỏe kém.
- Trẻ em không được đến trường, nghỉ học sớm dẫn đến thiếu kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

Do vậy, tình trạng LĐTE sẽ làm giảm cơ hội việc làm tốt cho trẻ em trong tương lai hoặc sẽ dẫn đến nguy cơ thất nghiệp cao khi trẻ trưởng thành. Hệ quả là sẽ kéo dài hoặc gia tăng tình trạng nghèo đói của gia đình và cộng đồng có LĐTE, tạo ra một vòng luẩn quẩn giữa nghèo đói và LĐTE kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác.

c, Đối với quốc gia

LĐTE gây ảnh hưởng đến kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực và hình ảnh, sự phát triển của quốc gia do:

- Do LĐTE bị mất đi cơ hội phát triển các kỹ năng cần thiết, khi lớn lên các em trở thành nguồn nhân lực chất lượng thấp, giảm tính cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế trong việc cung cấp nguồn lao động chất lượng cao, ảnh hưởng đến sự phát triển, giàu mạnh của một quốc gia.
- Sử dụng LĐTE là vi phạm luật pháp quốc tế, vi phạm những cam kết của chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế về quyền cơ bản của người lao động và của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết.
- Những tổ chức kinh tế (các HTX, các DN) sử dụng LĐTE sẽ bị loại bỏ khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu. Như vậy, quốc gia không những bị thiệt hại về kinh tế mà còn bị mất hình ảnh đối với cộng đồng quốc tế.
- Việt Nam hiện đang là một trong những quốc gia tiên phong của Liên minh toàn cầu 8.7, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về xây dựng một thế giới không có lao động cưỡng bức, nô lệ thời hiện đại, buôn bán người và lao động trẻ em.

Tóm tắt module 1

1. Lao động trẻ em được hiểu là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động, khiến trẻ em mất đi tuổi thơ, tiềm năng và nhân cách, có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ, bao gồm cả việc cản trở khả năng đến trường.
2. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em tham gia lao động, tham gia các hoạt động kinh tế và tạo thu nhập Thực tế trên thế giới cho thấy, theo cách phân loại nào thì đói nghèo cũng là nguyên nhân hàng đầu (tuy không phải là nguyên nhân duy nhất) của LĐTE. Bên cạnh đó, còn có các nguyên nhân khác như: Khả năng tiếp cận và chất lượng của dịch vụ giáo dục; Nhận thức về vấn đề LĐTE của cha mẹ và cộng đồng (lao động là nghĩa vụ và trách nhiệm của con cái); Hiệu lực và hiệu quả của chính sách pháp luật; Yếu tố cung - cầu của thị trường lao động.
3. LĐTE làm ảnh hưởng đến tương lai của trẻ, gia tăng tình trạng đói nghèo và gây ảnh hưởng đến kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực, hình ảnh, sự phát triển của quốc gia.

Module

2

NHẬN DIỆN LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu

Sau khi kết thúc module 2, học viên có thể:

- Hiểu rõ các khái niệm liên quan đến lao động trẻ em.
- Nắm vững những biểu hiện của lao động trẻ em trong khu vực KTTT, HTX thông qua 04 tiêu chí nhận diện và một số dấu hiệu đặc trưng.
- Hiểu rõ nội dung chính của các văn bản luật pháp liên quan đến vấn đề lao động trẻ em.

Nội dung chính

Bài 1. Một số khái niệm liên quan đến lao động trẻ em

Bài 2. Nhận diện lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Bài 3. Cơ sở pháp lý và chế tài xử phạt

Bài 1

MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG TRẺ EM

Để xác định chính xác khi nào một công việc do trẻ em thực hiện được coi là LĐTE, các HTX, tổ hợp tác, cơ sở SXKD trong khu vực KTTT cần nắm vững một số khái niệm sau:

1. Tuổi lao động tối thiểu

Tuổi lao động tối thiểu là tuổi mà không được thấp hơn độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc và do luật quốc gia quy định.

1.1. Theo luật pháp quốc tế

Công ước số 138 của ILO quy định tuổi lao động tối thiểu, bao gồm tuổi tối thiểu cơ bản, tuổi tối thiểu áp dụng với công việc nguy hại, tuổi tối thiểu áp dụng với công việc nhẹ. Công ước 138 có quy định mức tuổi lao động tối thiểu áp dụng chung cho mọi quốc gia đồng thời có những quy định ngoại lệ phù hợp với các nước đang phát triển, cụ thể:

- Các quốc gia phải ghi rõ tuổi tối thiểu được đi làm việc hoặc đi lao động trên lãnh thổ của mình.
- Tuổi tối thiểu không được dưới độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc và bất kỳ trường hợp nào cũng không được dưới 15 tuổi.
- Đối với các việc làm mà tính chất hoặc điều kiện lao động có thể có hại cho sức khỏe, an toàn hoặc phẩm hạnh của trẻ em thì tuổi tối thiểu không được nhỏ hơn 18 tuổi.
- Cho phép trẻ 13 - 15 tuổi làm những công việc nhẹ nhàng như việc vặt trong gia đình, công việc không có khả năng gây tác hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển của trẻ.

1.2. Theo luật pháp Việt Nam

Luật lao động 2019 quy định về độ tuổi lao động tối thiểu như sau:

- Tuổi tối thiểu chung: Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động (Khoản 1, Điều 3).
- Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo danh mục do Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế ban hành (Khoản 1 và 2, Điều 147).
- Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ: Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ LĐTBXH quy định (Khoản 3, Điều 143).

► **Bảng 1. Tuổi lao động tối thiểu theo Công ước 138 của ILO và theo quy định của luật pháp Việt Nam**

Tuổi lao động tối thiểu	Tuổi lao động tối thiểu theo Công ước 138		Tuổi lao động tối thiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam
	Áp dụng chung cho mọi quốc gia	Quy định ngoại lệ	
Tuổi tối thiểu chung	Không dưới 15 tuổi	Không dưới 14 tuổi (cho các nước đang phát triển)	Đủ 15 tuổi
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	Không dưới 18 tuổi	Không dưới 16 tuổi (nhưng an toàn và phẩm hạnh của các em phải được đảm bảo)	Không dưới 18 tuổi
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ	13 - 15 tuổi	12 - 14 tuổi (cho các nước đang phát triển)	Từ 13 - dưới 15 tuổi

2. Công việc nhẹ

Công việc nhẹ là công việc trẻ em có thể thực hiện mà không ảnh hưởng tới sức khỏe và sự an toàn hoặc không cản trở việc học tập hoặc đào tạo nghề của các em, được quy định chi tiết trong Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (xem chi tiết Thông tư trong phần Phụ lục).

3. Những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

3.1. Theo luật pháp quốc tế

Công ước 182 của ILO năm 1999 được ban hành để giải quyết vấn đề LĐTE bằng cách đặt trọng tâm vào việc ngăn chặn và xoá bỏ 04 nhóm hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Các quốc gia không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi vào những công việc sau đây:

a, Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang.

b, Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm.

c, Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan.

d, Những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ.

Trong 04 hình thức LĐTE tồi tệ nhất thì khoản d (Những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ) được coi là những **công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm**. Bao gồm những loại công việc sau:

- Những công việc khiến trẻ lâm vào tình trạng dễ bị lạm dụng về thể chất, tâm lý hoặc tình dục (quán bar, phòng hát karaoke,...).
- Những công việc dưới mặt đất, dưới nước, ở độ cao nguy hiểm hoặc trong không gian tù hãm.
- Những công việc sử dụng các loại máy móc, thiết bị hoặc dụng cụ nguy hiểm hoặc liên quan đến điều khiển thủ công hoặc vận chuyển hàng hoá nặng.
- Những công việc trong môi trường có hại cho sức khoẻ (tiếp xúc với hoá chất, khí gas, chất nổ, nhiệt độ cao, tiếng ồn, độ rung,...).
- Những công việc trong điều kiện đặc biệt khó khăn (làm việc nhiều giờ liền, làm việc ban đêm,...).

Công ước số 138 của ILO quy định những mức tuổi lao động tối thiểu và quy định các quốc gia không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi thực hiện các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, trừ một số trường hợp ngoại lệ do luật quốc gia quy định nhưng phải đảm bảo sự an toàn và phẩm hạnh của trẻ.

3.2. Theo luật pháp Việt Nam

Luật pháp Việt Nam quy định không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của các em.

Danh mục các công việc những nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên được quy định tại Điều 147 Bộ Luật lao động năm 2019 và Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên (chi tiết xem trong phần Phụ lục).

Bài 2**NHẬN DIỆN LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ****I. Các tiêu chí nhận diện lao động trẻ em**

Dựa trên các Điều 143,144,145,146,147 của Bộ Luật Lao động năm 2019 và các Công ước 138,182 của ILO để xác định: Một người chưa đủ 18 tuổi sẽ được coi là LĐTE nếu vi phạm bất kỳ một trong số các tiêu chí sau đây:

1. Tuổi và giờ làm việc.
2. Loại công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
3. Nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
4. Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

1. Tuổi và giờ làm việc

Tuổi	Giờ làm việc
Dưới 13 tuổi	Tham gia lao động kiếm sống hoặc tham gia bất kỳ hoạt động kinh tế nào đều được coi là LĐTE (*)
Dưới 15 tuổi	Nhiều hơn 4 giờ/ngày và hơn 20 giờ/tuần; Làm thêm giờ, làm việc ban đêm (từ 22 giờ tới 6 giờ sáng)
Đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi	Nhiều hơn 8 giờ/ngày và hơn 40 giờ/tuần; Làm thêm giờ, làm việc ban đêm (từ 22 giờ tới 6 giờ sáng) (**)

(*) Trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc UBND cấp tỉnh.

(**) Trừ các công việc biểu diễn nghệ thuật, vận động viên thể thao và các công việc khác theo danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm (Phụ lục 2.4. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

2. Loại công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên

Tuổi	Loại công việc không được sử dụng lao động chưa thành niên
Dưới 13 tuổi	Những công việc ngoài quy định tại khoản 3 Điều 145 Luật Lao động năm 2019.
Đủ 13 tuổi - dưới 15 tuổi	Những công việc ngoài “Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi được làm” quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
Đủ 15 tuổi - dưới 18 tuổi	Những công việc theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật lao động và danh mục công việc quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên

Theo Khoản 2 Điều 147 Bộ Luật Lao động năm 2019 cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc ở những nơi sau đây:

- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm.
- Công trường xây dựng.
- Cơ sở giết mổ gia súc.
- Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp, điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử.
- Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

Theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên, bao gồm:

1. Tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có trong môi trường lao động nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, bao gồm: Điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng, bụi than, bụi tale; các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X, các chất độc hại và các tia có hại khác.
2. Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.
3. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom.

4. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 300.
5. Các công việc ở trong hố sâu hơn 5m.
6. Làm việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.

4. Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất

Theo Điều 3 Công ước 182 của ILO năm 1999, không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi vào những công việc sau đây:

- a, Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang.
- b, Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm.
- c, Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan.
- d, Những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ.

II. Nhận diện LĐTE trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

“Lao động trẻ em chủ yếu tồn tại ở khu vực kinh tế nông thôn và phi chính thức, ngoài tầm kiểm soát của các thanh tra lao động, ở những nơi công đoàn và các tổ chức của người sử dụng lao động thường rất mỏng hoặc không có”.

- Giám đốc ILO Việt Nam-

Ranh giới giữa trẻ em tham gia lao động và các hoạt động kinh tế với LĐTE là khá mong manh, đặc biệt là ở khu vực KTTT, HTX khi hoạt động SXKD hộ gia đình trong khu vực này vẫn là chủ đạo. Qua nghiên cứu cho thấy các HTX, tổ hợp tác hay các cơ sở SXKD thuộc khu vực này không sử dụng LĐTE nhưng lại tiềm ẩn ở trong các hoạt động SXKD tại các hộ gia đình thuộc khu vực kinh tế này. Các hộ gia đình là một phần trong chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm/dịch vụ của các HTX nên trẻ em tham gia các hoạt động kinh tế trong phạm vi hộ gia đình là phổ biến và LĐTE trong hộ gia đình thường bị che lấp bởi hình thức phụ giúp gia đình, rất khó xác định và kiểm soát. Mặt khác, việc thuê mướn lao động, khoán sản phẩm ở các hộ gia đình, cơ sở sản xuất nhỏ thường dưới hình thức hợp đồng miệng và trẻ em tham gia lao động qua quan hệ thuê mướn này cũng rất dễ trở thành LĐTE khi không có ràng buộc pháp lý chặt chẽ.

Theo số liệu Điều tra quốc gia về lao động trẻ em tại Việt Nam năm 2018:



84%

Lao động trẻ em sống tại các vùng nông thôn



43,2%

Lao động trẻ em là lao động hộ gia đình



31,7%

Lao động trẻ em được trả công



53,6%

Lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp

Trong số 24 công việc (trên tổng 89 công việc có LĐTE đang làm việc) thu hút 85,6% tổng số LĐTE có 9 công việc thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thu hút đến 62,2% LĐTE tham gia. Các em tham gia vào các công việc cụ thể sau: Trồng cây hàng năm; Trồng cây ăn quả; Chăn nuôi; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ nông nghiệp; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; Khai thác thủy sản; Nuôi trồng thủy sản.

Trong đó có tới 6 công việc thuộc nhóm nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Trồng cây hàng năm; Trồng cây ăn quả; Chăn nuôi; Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; Khai thác thủy sản; Nuôi trồng thủy sản).

Trên thực tế, đa số các công việc mà LĐTE tham gia có điều kiện và môi trường lao động không đảm bảo an toàn, các em phải làm việc trong điều kiện khói, bụi, rác, môi trường có tiếng ồn lớn, chuyển động mạnh, những nơi quá nóng hoặc quá lạnh, tiếp xúc với hoá chất, làm việc dưới nước, ao hồ, lặn biển, đánh bắt xa bờ... hoặc trong các làng nghề, xưởng lò rèn, cơ khí, kim loại.

Địa điểm làm việc của LĐTE trong khu vực KTTT, HTX khá đa dạng, tập trung tại các trang trại, ruộng, vườn, các làng nghề thủ công, các cơ sở sản xuất và chế biến. Đặc biệt, có tới 24,7% LĐTE làm việc tại các hộ gia đình và 1,7% LĐTE làm việc ở môi trường nước (sông suối, ao hồ).

Bài 3

CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM

1. Cơ sở pháp lý về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

1.1. Luật pháp quốc tế

Công ước quốc tế là những thỏa thuận giữa những quốc gia đưa ra các nguyên tắc ứng xử dựa trên những chuẩn mực được đa số chấp nhận. Những thỏa thuận này thường được phát triển trong khuôn khổ LHQ, các cơ quan chuyên môn hoặc các tổ chức quốc tế khác. Các chính phủ ký kết, phê chuẩn những thỏa thuận này và sau đó đề nghị gắn kết các thỏa thuận này với pháp luật của quốc gia, đảm bảo rằng chúng được áp dụng và tôn trọng.

a, Công ước LHQ về Quyền trẻ em (UNCRC, 1989)

Công ước có 54 điều khoản, trong đó tuyên bố đầy đủ, toàn diện về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà tất cả trẻ em ở khắp mọi nơi trên thế giới được hưởng.

b, Công ước số 138 - Công ước về Tuổi tối thiểu được đi làm việc, 1973

Công ước 138 được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 26/7/1973, đưa ra những hướng dẫn cụ thể để làm căn cứ cho Chính phủ các nước định nghĩa tuổi tối thiểu mà trẻ em được phép làm việc (xem chi tiết ở mục 1. Tuổi lao động tối thiểu của bài 1, module 2).

Phạm vi áp dụng Công ước ít nhất phải bao gồm: Các ngành công nghiệp khai khoáng; các ngành công nghiệp chế tạo; xây dựng và các công trình công cộng; điện, khí đốt và nước; các dịch vụ vệ sinh y tế; vận tải; lưu giữ trong kho và giao thông; các đồn điền và các cơ sở nông nghiệp khác chủ yếu được khai thác nhằm mục đích thương mại.

c. Công ước số 182 - Công ước Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất

Công ước 182 được thông qua ngày 17/6/1999, đặt trọng tâm vào xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Do nhận thấy rằng LĐTE là một vấn đề lớn đến mức không thể giải quyết theo một hướng và bằng cách sử dụng tuổi tối thiểu được làm việc như là một điểm để tham khảo. Do vậy, Công ước 182 được ban hành để giải quyết vấn đề LĐTE một cách cụ thể hơn bằng cách đặt trọng tâm vào các hình thức LĐTE tồi tệ nhất, trong đó quy định 04 nhóm hình thức LĐTE tồi tệ nhất đối với trẻ em, phải được các quốc gia ngăn chặn và xóa bỏ (xem chi tiết ở mục 4. các hình thức LĐTE tồi tệ nhất của bài 1, module 2).

d. Tuyên bố của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc và các hoạt động tiếp theo

Tuyên bố này được chấp thuận vào tháng 6/1998, là một văn kiện quốc tế quan trọng được ILO và các quốc gia thành viên khẳng định lại để tôn trọng, thúc đẩy và ghi nhận 04 nguyên tắc và quyền cơ bản sau đây:

- Tự do hiệp hội và ghi nhận thật sự quyền thỏa ước tập thể (các quyền công đoàn cơ bản);
- Xóa bỏ tất cả hình thức lao động cưỡng bức và bắt buộc (ví dụ: Nô lệ);
- Xóa bỏ một cách có hiệu quả LĐTE;
- Xóa bỏ sự phân biệt trong việc làm và nghề nghiệp (phân biệt ở mọi cấp độ).

1.2. Luật pháp Việt Nam

Việt Nam là nước đầu tiên trong khu vực Châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn công ước của Liên Hợp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC) ngày 20/2/1990. Việt Nam cũng đã phê chuẩn hai Công ước cơ bản của ILO liên quan đến LĐTE: Công ước về độ tuổi tối thiểu (Công ước 138,1973) được phê chuẩn ngày 24/6/2003 và Công ước về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Công ước 182,1999) được phê chuẩn ngày 17/11/2000.

Luật pháp Việt Nam có nhiều quy định về vấn đề LĐTE. Cụ thể:

1. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam
2. Luật trẻ em năm 2016
3. Bộ Luật Lao động năm 2019
4. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH
5. Các Bộ luật liên quan khác:
 - Bộ luật hình sự năm 2017
 - Bộ luật bình đẳng giới năm 2006
 - Bộ luật hôn nhân và gia đình năm 2014

a. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”.

(Điều 37)

b. Luật Trẻ em năm 2016

“Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em”.

(Điều 26)

Luật trẻ em năm 2016 quy định quyền và nghĩa vụ của trẻ em, trong đó xác lập 25 quyền của trẻ em; trong đó có một số quyền tiêu biểu như: quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền được sống chung với cha mẹ; quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể nhân phẩm và danh dự; quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền được học tập; quyền được vui chơi giải trí hoạt động văn hóa nghệ thuật, TDTT, du lịch; quyền được phát triển năng khiếu; quyền có tài sản;...

c. Bộ Luật Lao động năm 2019

Mục 1 chương XI của Bộ Luật lao động năm 2019 quy định cụ thể về sử dụng lao động chưa thành niên, bao gồm:

- Điều 143. Lao động chưa thành niên;
- Điều 144. Nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên;
- Điều 145. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc;
- Điều 146. Thời giờ làm việc của người chưa thành niên;
- Điều 147. Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

(Chi tiết xem phần Phụ lục)

d. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH

Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2020. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản sau đây của Bộ Luật Lao động về lao động chưa thành niên:

1. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 145.
2. Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm theo quy định tại khoản 3 Điều 143.
3. Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm theo quy định tại khoản 2 Điều 146.
4. Danh mục công việc, nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định khoản 3 Điều 147.

(Chi tiết xem phần Phụ lục).

e. Luật Hình sự năm 2017

- Điều 296 quy định việc xử lý “Tội vi phạm quy định về sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định”.
- Điều 297 quy định việc xử lý “Tội cưỡng bức lao động”.

f. Các Nghị định của Chính phủ

- Nghị định số 95/2013/NĐ-CP năm 2013, quy định chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định về lao động chưa thành niên.

- Nghị định số 144/2013/NĐ-CP năm 2013, quy định chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm về bảo vệ chăm sóc trẻ em, trong đó cấm lạm dụng LĐTE; cấm sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng hóa, hàng giả, hàng trốn thuế, tiền tệ trái phép...

2. Các chế tài xử lý vi phạm LĐTE ở Việt Nam

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
Vi phạm hành chính theo Bộ Luật lao động 2019 được xử lý theo quy định tại Nghị định 95/2013/NĐ-CP		
1	Không lập sổ theo dõi riêng khi sử dụng lao động chưa thành niên hoặc không xuất trình sổ theo dõi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu	Phạt tiền: 10 - 15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
2	Sử dụng người dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật	Phạt tiền: 10 - 15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
3	Sử dụng lao động chưa thành niên làm việc quá thời gian làm việc quy định	Phạt tiền: 10 - 15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
4	Sử dụng người từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
5	Sử dụng lao động là người chưa thành niên làm công việc tại nơi làm việc bị cấm	Phạt tiền: 20 - 25 triệu đồng
6	Sử dụng người dưới 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép	Phạt tiền: 20 - 25 triệu đồng

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
Vi phạm hành chính theo Luật Trẻ em 2016 được xử lý theo quy định tại Nghị định 144/2013/NĐ-CP		
7	Cha, mẹ, người giám hộ, người nuôi dưỡng bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí và sự phát triển của trẻ em	Phạt tiền: 1 - 3 triệu đồng; Chế tài khác: Xử phạt bổ sung; Khắc phục hậu quả
8	Sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng hóa, hàng giả, hàng trốn thuế, tiền tệ trái phép	Phạt tiền: 10 - 15 triệu đồng Chế tài khác: Xử phạt bổ sung; Khắc phục hậu quả
9	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học	Phạt tiền: 1 - 3 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh báo; Khắc phục hậu quả
10	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ nhà đi lang thang	Phạt tiền: 3 - 5 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
11	Cha, mẹ, người giám hộ ép buộc trẻ em đi lang thang kiếm sống; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi	Phạt tiền: 5 - 10 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
12	Tổ chức, ép buộc, cho thuê, cho mượn, sử dụng trẻ em để xin ăn	Phạt tiền: 10 - 15 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
13	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em tham gia phục vụ đánh bạc, chứng kiến việc đánh bạc hoặc việc sử dụng trái phép chất ma túy	Phạt tiền: 3 - 5 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
14	Đưa hình ảnh của trẻ em vào sản phẩm văn hóa, thông tin, truyền thông có nội dung khiêu dâm, bạo lực, kinh dị	Phạt tiền: 40 - 50 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
Nếu hành vi vi phạm cấu thành tội hình sự sẽ bị xử lý theo quy định trong Luật Hình sự 2017		
15	Tội vi phạm quy định về sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định (điều 296)	Phạt tiền: 30 - 200 triệu đồng; Chế tài khác: Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 - 50 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 - 5 năm
16	Tội cưỡng bức lao động (Điều 297)	- Phạt tiền từ 50 - 200 triệu đồng; - Chế tài khác: Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30 - 100 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 - 5 năm

Tóm tắt module 2

- Bốn tiêu chí nhận diện lao động trẻ em:
 - Tuổi;
 - Thời lượng giờ làm việc;
 - Công việc và nơi làm việc; và
 - Điều kiện làm việc.
- Ranh giới giữa trẻ em tham gia lao động và các hoạt động kinh tế với LĐTE là khá mong manh, đặc biệt là ở khu vực KTTT, HTX khi hoạt động SXKD hộ gia đình trong khu vực này vẫn là chủ đạo với các quan hệ lao động phi chính thức, không được xác lập bằng văn bản có tính pháp lý.
- Cơ sở pháp lý về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE:
 - Luật pháp quốc tế: Chú trọng nội dung Công ước 138 và Công ước 182 - Luật pháp Việt Nam: Chú trọng nội dung trong Mục 1 chương XI của Bộ luật lao động năm 2019, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH và chế tài xử lý vi phạm LĐTE.

Module

3

HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu

Sau khi kết thúc Module 3, học viên có thể:

- Chỉ rõ vai trò, lợi ích của việc phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE đối với khu vực KTTT, HTX.
- Xác định được những hành động mà HTX sẽ thực hiện để phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE trong khu vực KTTT, HTX.

Nội dung chính

Bài 1. Vai trò và lợi ích của các hợp tác xã trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE

Bài 2. Huy động sự tham gia trong công tác phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 3. Lập kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Bài 1**VAI TRÒ VÀ LỢI ÍCH CỦA HỢP TÁC XÃ
TRONG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA,
GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM****1. Lợi ích của việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã****1.1. Tuân thủ luật pháp**

Hiện nay, việc sử dụng LĐTE xuất hiện nhiều ở khu vực KTTT, HTX và trong nhóm không có quan hệ lao động, đa phần xảy ra trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp và các làng nghề truyền thống. Bộ Luật Lao động 2019 đã có một chương quy định riêng về việc sử dụng lao động chưa thành niên (dưới 18 tuổi) để phòng chống việc sử dụng LĐTE. Bộ luật này quy định khá cụ thể về độ tuổi tối thiểu được phép tham gia lao động; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người làm việc không có quan hệ lao động; Quy định chế độ, chính sách xã hội nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của lao động chưa thành niên. Bên cạnh đó, Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) cũng có các chế tài xử lý hành chính và xử lý hình sự về những vi phạm liên quan đến sử dụng LĐTE và lao động chưa thành niên.

Do vậy, các tổ hợp tác, hợp tác xã và các đơn vị kinh tế trong khu vực KTTT cần tuân thủ luật pháp quốc gia. Việc tuân thủ luật pháp quốc gia về LĐTE sẽ giúp khu vực KTTT, HTX: (i) Tránh được các chi phí và hậu quả pháp lý; (ii) Tự tin, minh bạch trong các chương trình thanh, kiểm tra của Nhà nước; (iii) Xây dựng mối quan hệ hợp tác, cởi mở, bình đẳng và không mang tính đối phó với các cơ quan nhà nước.

1.2. Tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới

Tính đến nay, Việt Nam đã ký kết và đàm phán 17 FTA. Trong đó, đã ký kết 02 FTA thế hệ mới là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA); trong đó có quy định về việc loại bỏ một cách hiệu quả LĐTE và cấm các hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư hay khách hàng lớn luôn tìm kiếm, xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với những đối tác làm ăn hiệu quả, tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, trong đó có khả năng kiểm soát tốt về vấn đề LĐTE - một vấn đề nhân quyền được đặc biệt chú ý trong kinh doanh và tiêu dùng trên toàn thế giới. Do vậy, việc tuân thủ các quy định tiêu chuẩn an toàn và hàng rào kỹ thuật sẽ giúp khu vực KTTT, HTX: (i) Tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng trong khu vực và toàn cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu; (ii) Đổi mới thể chế, chính sách, đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh; (iii) Thu hút đầu tư, tăng năng lực sản xuất.

Hàng năm, Bộ Lao động Hoa Kỳ có công bố danh sách các quốc gia mà họ cho rằng có sử dụng LĐTE, trong đó có Việt Nam. Việc sử dụng trực tiếp hay gián tiếp LĐTE trong chuỗi cung ứng là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm, gây thiệt hại về kinh tế và uy tín của các DN, HTX và rộng hơn, của cả quốc gia.

Vì vậy, trách nhiệm của các tổ hợp tác, HTX nói riêng và khu vực KTTT nói chung trong việc phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE là rất lớn. Khu vực KTTT, HTX muốn tiếp tục xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thủy hải sản sang Mỹ, châu Âu, Nhật Bản và các quốc gia khác buộc

phải đáp ứng các tiêu chuẩn, bao gồm không sử dụng LĐTE. Đây là một trong những điều kiện tiên quyết để khu vực KTTT, HTX sẵn sàng cho những cơ hội kinh doanh và đầu tư mới trong các FTA.

1.3. Quản trị rủi ro trong kinh doanh

Việc sử dụng LĐTE trong hoạt động sản xuất kinh doanh hay chuỗi cung ứng sẽ khiến các tổ hợp tác, HTX và các đơn vị SXKD trong khu vực KTTT phải đối mặt với những rắc rối từ các cơ quan luật pháp (xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự), báo chí, dư luận xã hội,... dẫn đến những tổn thất về chi phí, uy tín, hình ảnh cũng như khả năng duy trì và phát triển thị trường, khả năng thu hút đầu tư,...

1.4. Xây dựng uy tín, thể hiện đạo đức kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường, xây dựng uy tín, thể hiện đạo đức kinh doanh là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của người quản lý, lãnh đạo các đơn vị kinh tế. Việc cam kết không sử dụng LĐTE, thực hiện các hoạt động nhằm giải phóng LĐTE khỏi các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại đồng thời tạo điều kiện cho các em được vui chơi, học tập, phát triển cả về thể chất và tinh thần là việc làm đúng đắn, ý nghĩa của khu vực KTTT, HTX. Không những vậy, nó còn thể hiện đạo đức kinh doanh, góp phần xây dựng và nâng cao uy tín, vị thế của HTX và có thể tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường, thu hút đầu tư.

2. Vai trò của hợp tác xã trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Trong hoạt động SXKD hiện nay, tất cả tác nhân tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ đều có mối quan hệ tương tác lẫn nhau, do đó vai trò của các HTX trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE phụ thuộc vào vị trí và mối quan hệ của HTX với các tác nhân trong chuỗi giá trị sản phẩm. Các nghiên cứu cho thấy đặc thù các HTX Việt Nam trong chuỗi giá trị sản phẩm thể hiện ở 3 khía cạnh: (i) Vừa là nhà sản xuất; (ii) Cung cấp các dịch vụ trong quá trình SXKD; (iii) Bao tiêu sản phẩm (các thành viên, hộ gia đình, cơ sở SX), trong đó liên kết, kết nối với các doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm là rất phổ biến. Vì vậy, vai trò của HTX trong vấn đề phòng ngừa LĐTE cần được xem xét trên 2 khía cạnh: hoạt động SXKD của HTX; và hoạt động SXKD của các tác nhân liên kết với HTX trong chuỗi giá trị sản phẩm. Bất kỳ một khâu nào trong chuỗi giá trị sản phẩm/dịch vụ có sử dụng LĐTE đều có nguy cơ dẫn đến những hậu quả không mong muốn, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của HTX.

Trong hoạt động SXKD toàn cầu hiện nay đòi hỏi các khâu trong chuỗi giá trị đều phải minh bạch và có thể truy xuất nguồn gốc đầy đủ. Những rủi ro tiềm ẩn trong các khâu SX, cung ứng đều có thể được phát hiện và xử lý thông qua các công cụ, chế tài và luật pháp của nước sở tại cũng như quốc tế. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bền vững thì các HTX cần đảm bảo loại bỏ các nguy cơ sử dụng LĐTE trong chuỗi giá trị sản phẩm/dịch vụ mà HTX là một tác nhân tham gia.

Đối với hoạt động SXKD của HTX: Cần đảm bảo rằng tất cả các hoạt động SXKD của HTX cũng như các thành viên không sử dụng LĐTE, cụ thể trong từng khâu như sau:

- Cung cấp dịch vụ cho các thành viên HTX: HTX đóng vai trò cung cấp dịch vụ đồng thời kết nối dịch vụ từ các nhà cung ứng cho các thành viên HTX. Để đảm bảo thành viên và các nhà cung ứng không vi phạm các quy định về LĐTE trong quá trình sản xuất, cung ứng sản phẩm, HTX có thể thực hiện một số hoạt động cụ thể sau:
 - Kết nối, hỗ trợ tín dụng cho thành viên;

- Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất (chăn nuôi, trồng trọt,...), các chương trình khuyến nông, khuyến lâm,...
- Tổ chức các lớp tập huấn và tuyên truyền vận động về an toàn vệ sinh lao động, trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh. Trong đó đặc biệt chú ý đến đối tượng lao động chưa thành niên.
- Lồng ghép các chương trình phổ biến kiến thức về pháp luật, phương pháp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường,... trong các buổi họp của HTX, thành viên HTX.
- Hỗ trợ, kết nối đào tạo nghề cho đối tượng lao động chưa thành niên, là con em của thành viên HTX.
- Bao tiêu sản phẩm: HTX đóng vai trò như các nhà thu gom sản phẩm từ các thành viên, hộ gia đình, cơ sở sản xuất nhỏ cho các DN thương mại, gia công, chế biến. Ngoài việc phải đảm bảo các tiêu chuẩn sản phẩm theo đặt hàng thì tiêu chuẩn về không sử dụng LĐTE cũng cần được đặt ra đối với các thành viên, hộ gia đình, cơ sở SX mà HTX bao tiêu sản phẩm. Trong nhiều trường hợp, đây cũng là yêu cầu từ các DN đặt hàng.
- Kiểm soát sản phẩm sau tiêu thụ: Việc tuân thủ pháp luật nói chung, LĐTE nói riêng của các DN tiêu thụ sản phẩm từ HTX có ảnh hưởng gián tiếp đến HTX thông qua số lượng đơn đặt hàng hay uy tín của sản phẩm có nguồn gốc từ HTX. Nhiều trường hợp trong thương mại quốc tế, DN xuất khẩu vi phạm các quy định về sử dụng lao động (sử dụng lao động cưỡng bức, LĐTE,...) dẫn đến sự tẩy chay sản phẩm và hậu quả là các nhà cung ứng cho DN này cũng chịu ảnh hưởng.

Vai trò của HTX trong việc phòng ngừa, loại bỏ LĐTE được tóm lược trong bảng dưới đây:

TT	Nguy cơ sử dụng LĐTE	Vai trò của HTX
1	Trong hoạt động SXKD của HTX	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ngừa. - Khắc phục, chấm dứt nếu xảy ra.
2	Các tác nhân cung ứng đầu vào sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát quy trình cung ứng, sản xuất của các đối tác. - LĐTE và các hình thức sử dụng lao động bất hợp pháp cần được xem xét là một tiêu chuẩn lựa chọn nhà cung ứng. - Lựa chọn các nhà cung ứng minh bạch. - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tác nhân cung ứng đầu vào sản xuất.
3	Cung ứng sản phẩm, dịch vụ (cơ sở SX, hộ gia đình, thành viên HTX) - HTX bao tiêu sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các nhà SX về LĐTE mà HTX bao tiêu sản phẩm. - Kiểm soát quy trình SX, cung ứng - Đặt ra tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ - Hướng dẫn, hỗ trợ tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất nói chung, LĐTE nói riêng
4	Doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm của HTX	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát sản phẩm sau bán hàng. - Lựa chọn DN có uy tín, cam kết. - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các DN, các đơn vị tiêu thụ sản phẩm của HTX.

Bài 2

HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA TRONG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE không phải chỉ là trách nhiệm của các HTX mà cần huy động sự tham gia của trẻ em, gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, các chương trình, dự án liên quan đến công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em. HTX cũng cần sự ủng hộ của các hộ thành viên, cộng đồng và các đối tác, khách hàng trong chuỗi sản xuất, cung ứng.

Kết quả điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018 cho thấy có 4 nguyên nhân chính từ phía trẻ em tham gia các hoạt động kinh tế và LĐTE là: (i) Thu nhập cho bản thân và gia đình; (ii) Mong muốn tham gia vào hoạt động SXKD của hộ gia đình; (iii) Mong muốn học nghề/có nghề; (iv) Không đi học. Trong các nguyên nhân này thì nguyên nhân liên quan đến thu nhập và mong muốn tham gia hoạt động SXKD của hộ gia đình là 2 nguyên nhân thúc đẩy trẻ em tham gia lao động.

Về phía người sử dụng lao động, nghiên cứu không chỉ rõ nguyên nhân nhưng kết quả điều tra cho thấy tiền lương trả cho LĐTE là thấp hơn nhiều so với lao động trưởng thành. Đối với các hộ gia đình, LĐTE thường không được trả lương. Đây cũng là lý do khiến nhiều DN và cơ sở sản xuất sử dụng trẻ em làm việc để tiết kiệm chi phí.

Như vậy, để có thể phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE thì các giải pháp phải từ hai phía cung - cầu lao động, và phải có sự tham gia của nhiều bên, bao gồm các đối tác tham gia trong chuỗi giá trị của HTX cũng như gia đình, cộng đồng và chính quyền địa phương. Với vị trí của HTX trong chuỗi giá trị sản phẩm ở cả các khâu cung ứng dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm thì việc huy động, kết nối các bên tham gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE là rất quan trọng.

1. Đối với trẻ em tham gia lao động

Hợp tác xã thực hiện vai trò kết nối giữa trẻ em tham gia lao động, gia đình và người sử dụng lao động là rất quan trọng nhằm đảm bảo rằng việc tham gia lao động để tạo thu nhập hay học nghề/có nghề một cách chính đáng là cần thiết và tránh các nguy cơ trở thành LĐTE. Một số hoạt động mà HTX có thể thực hiện:

1.1. Tham vấn ý kiến đối tượng chịu ảnh hưởng

Hợp tác xã có thể đóng vai trò tham vấn ý kiến của trẻ em tham gia lao động, HĐKT nhằm đảm bảo rằng sự tham gia này phù hợp với mong muốn của trẻ, chính đáng và không vi phạm các quy định về LĐTE.

Việc tổ chức tham vấn ý kiến của các em có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức:

- Gặp gỡ trực tiếp: Người tham vấn cần có sự chuẩn bị trước, nắm bắt được tâm lý của các em, thậm chí là hỏi ý kiến chuyên gia để có được cách thức tiếp cận dễ dàng, cách trò chuyện tế nhị và cách ứng xử phù hợp với các em.

- Tham vấn gián tiếp: Thông qua các tổ chức ở địa phương để thu thập ý kiến của các em như nhà trường, các đoàn thể, hội, tổ chức cộng đồng địa phương.

Nội dung tham vấn có thể bao gồm:

- Lý do tham gia lao động, HĐKT;
- Mong muốn của trẻ;
- Công việc tham gia lao động;
- Các ảnh hưởng của công việc đến học tập, vui chơi của trẻ;
- Vận động trẻ đến trường;
- Tư vấn, kết nối, dạy nghề cho trẻ đủ tuổi lao động;
- Các vấn đề có liên quan.

Quá trình tham vấn cũng có thể bao gồm việc phổ biến các kiến thức, quy định của pháp luật về lao động, quyền trẻ em, LĐTE nhằm giúp các em có những hiểu biết nhất định trong quá trình tham gia các hoạt động kinh tế.

1.2. Tham vấn ý kiến của gia đình

Gia đình đóng vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là những người giám hộ trong quyết định tham gia các hoạt động kinh tế của các em. Trong nhiều trường hợp gia đình đóng vai trò quyết định đến việc tham gia HĐKT của trẻ em, nhiều khi trái với mong muốn của trẻ. Có thể nói gia đình của trẻ em là điều kiện tiên quyết để giải quyết tận gốc các nguyên nhân dẫn tới LĐTE và đảm bảo các vi phạm không tái diễn.

Tham vấn ý kiến gia đình có trẻ em tham gia HĐKT thực hiện bằng nhiều hình thức như phỏng vấn trực tiếp; gián tiếp thông qua các tổ chức cộng đồng, xã hội. Quá trình tham vấn cũng có thể kết hợp với việc phổ biến, nâng cao nhận thức của các hộ gia đình về pháp luật lao động, quyền trẻ em, LĐTE.

Các nội dung tham vấn có thể bao gồm:

- Lý do cho trẻ tham gia lao động, HĐKT.
- Vận động gia đình cho trẻ đi học.
- Tư vấn, kết nối, dạy nghề cho trẻ đủ tuổi lao động.
- Tư vấn sinh kế, kết nối tín dụng sản xuất kinh doanh. Kết nối/đào tạo kỹ thuật sản xuất.
- Định hướng tương lai của gia đình với trẻ.
- Các mong muốn của gia đình đối với trẻ khi tham gia HĐKT.

1.3. Kết nối thông tin giữa trẻ em tham gia lao động, gia đình và cơ sở sử dụng lao động

Với vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị sản phẩm, HTX có thể thực hiện vai trò kết nối thông tin giữa trẻ em, gia đình với các cơ sở sử dụng lao động. Quá trình kết nối này đảm bảo những cơ sở, người sử dụng đang sử dụng các em tham gia lao động hiểu rõ lý do, mong muốn của trẻ và gia đình để cùng hợp tác trong quá trình làm việc phù hợp với điều kiện của từng cá nhân.

2. Huy động sự tham gia của các bên liên quan

Các bên liên quan là nguồn thông tin quan trọng hoặc là đối tác phối hợp hành động nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý vấn đề LĐTE. HTX cần huy động sự tham gia và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Phối hợp với nhà trường, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo và dạy nghề ở địa phương để tìm kiếm các cơ hội giáo dục và đào tạo nghề cho các em.
- Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức có liên quan để kết nối các hoạt động hỗ trợ kinh tế cho gia đình (vay vốn tạo việc làm, tham gia nhóm tín dụng tiết kiệm...) đồng thời phối hợp giám sát, can thiệp kịp thời nếu như trẻ đi làm trở lại.
- Cộng đồng địa phương là một nhân tố tích cực, có vai trò giám sát chéo trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu, ngăn chặn những tái phạm; Cộng đồng có trách nhiệm báo cáo ngay những nguy cơ, vấn đề vi phạm để HTX kịp thời xử lý.
- Hộ thành viên của HTX cần có những cam kết tuân thủ không sử dụng LĐTE, không bắt buộc con em mình phải tham gia lao động khi những công việc đó vi phạm một trong những tiêu chí nhận diện LĐTE.
- Đội ngũ cán bộ chủ chốt, người lao động trong HTX có trách nhiệm phối hợp, cùng giám sát cộng đồng, các đối tác trong chuỗi sản xuất, cung ứng của HTX để phát hiện, ngăn ngừa các vi phạm.

3. Xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên liên quan

Nhà quản lý, lãnh đạo HTX hay người đại diện được phân công phụ trách công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE có thể sử dụng bộ câu hỏi 5W+ 1H (Chiến lược gì? Cá nhân/tổ chức nào chịu trách nhiệm? Thực hiện như thế nào? Khi nào thực hiện? Thực hiện ở đâu?) để huy động sự tham gia và phân công công việc, trách nhiệm rõ ràng của mỗi bên liên quan:

Chiến lược	Hành động cụ thể	Cá nhân/ tổ chức chịu trách nhiệm	Thời gian thực hiện	Ở đâu	Yêu cầu (cần những gì để thực hiện)

Bài 3**LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ***Không lập kế hoạch là lập kế hoạch cho sự thất bại***1. Đối với khu vực KTTT, HTX**

Để phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE, HTX cần đưa ra những biện pháp và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực. Việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện cần thống nhất, có hệ thống. Khi đề xuất biện pháp, HTX có thể áp dụng nguyên tắc SMART (Cụ thể, có thể đo được, có thể đạt được, có tính thực tế, phạm vi thời gian) để đảm bảo biện pháp đó mang tính thực thi.

Một số biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE mà các HTX, tổ hợp tác có thể thực hiện:

Biện pháp	Kết quả đạt được
1. Rà soát, đánh giá chuỗi sản xuất và cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chi tiết từng khâu trong quá trình SXKD (đầu vào, sản xuất, đầu ra). - Đánh giá chi tiết từng tác nhân trong chuỗi (các nhà cung cấp dịch vụ, thành viên, đối tác, khách hàng...).
2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE	<ul style="list-style-type: none"> - Các tờ rơi, bài viết về LĐTE. - Lồng ghép nội dung truyền thông trong các hoạt động của HTX (các buổi họp, hội nghị...).
3. Nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát	Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý các vi phạm LĐTE trong HTX, hộ thành viên.
4. Xây dựng các chính sách	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không sử dụng LĐTE. - Cam kết khắc phục hậu quả. - Cam kết giảm thiểu các hoạt động xấu gây tác động đến vi phạm LĐTE.
5. Tổ chức sản xuất tập trung (nếu phù hợp)	Sản xuất theo tổ, nhóm.

Biện pháp	Kết quả đạt được
6. Hỗ trợ sinh kế cho các thành viên HTX	- Thành viên HTX được kết nối với các tổ chức, các chương trình tín dụng. - Thành viên HTX được tham gia các hoạt động cung ứng và tiêu thụ tập trung thông qua HTX.
7. Phối hợp với các bên liên quan	Chiến lược huy động sự tham gia của các bên liên quan nhằm đảm bảo các biện pháp hiệu quả.

Gợi ý một số hành động cụ thể của HTX:

1.1. Rà soát, đánh giá chuỗi sản xuất và cung ứng

Đặc thù trong khu vực KTTT, HTX, nhất là khu vực sản xuất nông nghiệp, các làng nghề, sản phẩm được làm ra bởi các hộ gia đình và do chính các thành viên trong gia đình làm. Bản thân cha mẹ trong các gia đình không nhận thức được về vấn đề LĐTE, họ suy nghĩ theo kiểu "Con cái thì phải biết làm việc nhà, biết giúp đỡ cha mẹ". Việc rà soát, đánh giá từng khâu trong hoạt động SXKD hay từng tác nhân trong chuỗi sản xuất, cung ứng sẽ giúp HTX phát hiện được các trường hợp vi phạm LĐTE.

Dưới đây là những hành động của HTX:

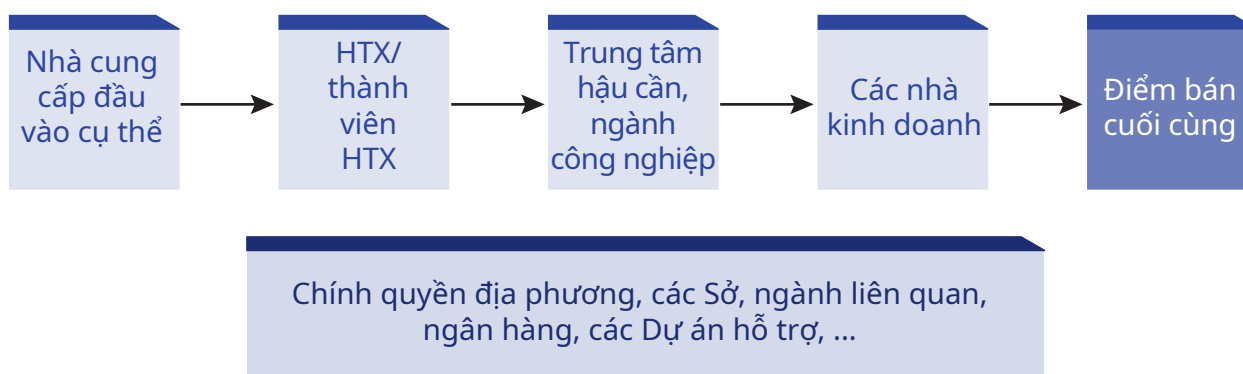
- Vẽ sơ đồ chuỗi giá trị của HTX, xác định các hoạt động, các tác nhân tham gia trong chuỗi.

Các thành phần của một sơ đồ chuỗi giá trị

Các chức năng cơ bản (liên kết chuỗi)



Các nhà vận hành chuỗi và mối quan hệ



- Thiết kế bảng câu hỏi, phỏng vấn các tác nhân trong chuỗi:
 - Có sử dụng người lao động dưới 18/15/13 tuổi không?
 - Công việc của các em đang làm là gì?
 - Địa điểm làm việc của các em ở đâu?
 - Công việc/nơi làm việc đó có nguy hại đối với các em không? Nếu có, gây nguy hại như thế nào?
 - Thời gian làm việc của các em trong 1 ngày/1 tuần là bao nhiêu giờ?
 - Các em có được đến trường không? Nếu không, đơn vị có chính sách nào để hỗ trợ vấn đề học tập của các em? (chính sách vừa học vừa làm, chế độ giờ làm không ảnh hưởng đến việc đi học của các em, cấp học bổng, hỗ trợ trang thiết bị học tập, kết nối với các cơ sở đào tạo, dạy nghề, các đơn vị, dự án hỗ trợ trẻ em...).
- Thu thập các thông tin, xử lý xem có sai phạm ở khâu nào? Tác nhân nào? Lý do tại sao vi phạm? Trường hợp nào được phép/ không được phép sử dụng trẻ em tham gia lao động? Trách nhiệm của HTX đối với các trường hợp vi phạm là gì?

1.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE

Điều quan trọng nhất trong công tác truyền thông về LĐTE là phải xác định rõ nhóm đối tượng truyền thông đích và xây dựng thông điệp truyền thông đạt được mục tiêu đề ra.

a, Xây dựng thông điệp truyền thông

Khi xây dựng thông điệp truyền thông, cần trả lời câu hỏi: "Thông điệp chính cần truyền đạt tới nhóm đối tượng là gì?". Để trả lời được câu hỏi này, cần trả lời các câu hỏi sau:

- Các cá nhân, tổ chức cần những kiến thức, hiểu biết gì để phòng ngừa, giảm thiểu, xoá bỏ thành công tình trạng LĐTE?
- Nếu là thành viên của nhóm đối tượng, bạn mong muốn được nhận những thông tin, thông điệp gì về LĐTE?
- Thông tin nào cần chia sẻ? Thông tin nào không cần thiết chia sẻ?

Ví dụ:

Nhóm đối tượng	Thông điệp chính
1. Hộ thành viên	Lao động trẻ em - Lợi trước mắt, hại lâu dài. Hãy để con em mình đến trường thay vì lao động kiếm sống.
2. Các đối tác, khách hàng	Sử dụng LĐTE là vi phạm pháp luật - Hãy nói "Không" với LĐTE.

b, Lựa chọn phương pháp truyền thông

Việc lựa chọn phương pháp truyền thông phụ thuộc vào các yếu tố như: nhóm đối tượng là ai? Số lượng người tham gia? Địa điểm thực hiện truyền thông... và hoàn toàn phụ thuộc vào người được giao nhiệm vụ truyền thông.

Gợi ý một số phương pháp, hình thức truyền thông sau:

- Lồng ghép trong các buổi họp, hội nghị của thôn, xã, HTX;
- Đến tận nơi;
- Thiết kế, phát các tờ rơi;
- Tổ chức các sự kiện, các hoạt động cộng đồng.
- v.v.

1.3. Nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm soát

Ban kiểm soát của HTX có chức năng, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều lệ, tổ chức các hoạt động SXKD, công tác nhân sự, tài chính, kế toán,... trong HTX. Thông qua đại hội thành viên, bổ sung các chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ cho ban kiểm soát HTX, cụ thể như:

- Xây dựng các chính sách, cam kết tuân thủ không sử dụng LĐTE.
- Giám sát, kiểm tra các hoạt động SXKD của các hộ thành viên, xác định các vi phạm về LĐTE và đề xuất biện pháp ngăn ngừa, xử lý các vi phạm.
- Xây dựng cơ chế kiểm tra "chéo" giữa các hộ thành viên.
- v.v.

1.4. Xây dựng các chính sách

Xây dựng các chính sách là nhằm đưa ra những tuyên bố, cam kết, chính sách hay các quy tắc ứng xử. HTX cần rà soát các chính sách, quy trình và hướng dẫn áp dụng, điều chỉnh đồng thời phải xác định rõ bộ phận nào chịu trách nhiệm triển khai cam kết cho phù hợp.

a, Nội dung chính sách

Nội dung chính sách cần phải phù hợp với quy định của pháp luật quốc gia và công ước quốc tế. Chính sách cần phải nêu rõ những yêu cầu, tiêu chuẩn đối với các người lao động, các hộ thành viên, các đối tác, nhà cung cấp dịch vụ của HTX. Ví dụ: Chính sách "Nói không với LĐTE" cần thể hiện rõ những nội dung sau:

- Nếu vi phạm thì phải khắc phục bằng cách liên hệ với các nhà trường, trung tâm giáo dục và dạy nghề để chuyển các em đến học tập có chất lượng cho đến khi các em trưởng thành.
- Lao động dưới 18 tuổi không được làm việc vào ban đêm.
- Lao động dưới 18 tuổi không được làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh LĐ theo đúng quy định của nhà nước (Theo nội dung của Thông tư 09/2020/TT-BLĐTBXH).

Bên cạnh đó, HTX phải xây dựng các nguyên tắc khi sử dụng lao động chưa thành niên, dựa trên quy định của Điều 144, Bộ Luật lao động năm 2019. Cụ thể như:

- Chỉ được làm công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách.
- Phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động về các mặt lao động, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động.
- Phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ; lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
- Phải tạo cơ hội để lao động chưa thành niên được học văn hóa, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

b, Phổ biến chính sách

Sau khi đã xây dựng và phê duyệt chính sách, cần phổ biến và công bố cam kết chính sách tới các cá nhân, tổ chức trong chuỗi sản xuất và cung ứng của HTX cũng như các bên liên quan khác.

- Đối với HTX và chuỗi cung ứng: Phổ biến chính sách tới đội ngũ cán bộ HTX, các thành viên, người lao động và các nhà cung cấp, đối tác của HTX.
- Đối với các bên liên quan: Cung cấp thông tin hoặc tổ chức các sự kiện truyền thông để công bố cam kết chính sách về LĐTE của HTX.

1.5. Tổ chức sản xuất tập trung (nếu phù hợp)

Sản xuất phân tán tại các hộ gia đình, hộ thành viên trong các làng nghề, các HTX dẫn đến khó giám sát, kiểm tra và có nguy cơ sử dụng LĐTE lớn hơn so với việc sản xuất tập trung tại một điểm. Tuy nhiên, sản xuất tập trung là một thách thức lớn đối với các tổ hợp tác, HTX và đặc biệt là các tổ hợp tác, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp. Bởi vậy, thay vì sản xuất phân tán hoặc tập trung toàn bộ, có thể yêu cầu các hộ gia đình sản xuất tập trung theo tổ, nhóm hoặc giao trách nhiệm cho một đại diện có uy tín để kiểm tra, giám sát nhóm đồng thời thống nhất với cả nhóm là tất cả nhóm phải liên đới chịu trách nhiệm về hậu quả nếu như bất kỳ một thành viên nào trong nhóm vi phạm. Yêu cầu các nhóm kiểm tra, giám sát chéo lẫn nhau.

1.6. Phối hợp với các bên liên quan

Các bên liên quan đóng vai trò là nguồn thông tin quan trọng hoặc là đối tác phối hợp hành động nhằm phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE.

- Đối với gia đình trẻ em: Gia đình trẻ em là điều kiện tiên quyết để giải quyết tận gốc các nguyên nhân dẫn tới LĐTE và đảm bảo vi phạm không tái diễn. HTX cần phối hợp với gia đình các em để giải quyết những trường hợp vi phạm hoặc có nguy cơ trở thành LĐTE, hỗ trợ gia đình các em trong việc tạo sinh kế, thu nhập, v.v.
- Đối với các hộ thành viên, người lao động và chuỗi cung ứng: Phổ biến chính sách, cam kết không vi phạm LĐTE tới đội ngũ cán bộ HTX, các thành viên, người lao động và các nhà cung cấp, đối tác của HTX.

- Đối với các bên liên quan khác: HTX cần sự ủng hộ, phối hợp thực hiện để hỗ trợ gia đình trẻ em, trẻ em; phát hiện và xử lý các vi phạm; cung cấp thông tin nhằm công bố các chính sách, cam kết không sử dụng LĐTE của HTX.

2. Lập kế hoạch hành động

"Làm quan trọng hơn nói". Vì vậy, các tổ hợp tác, HTX, các đơn vị trong khu vực KTTT cần lập kế hoạch hành động nhằm phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE theo ví dụ sau:

Biện pháp	Hành động cụ thể	Người chịu trách nhiệm chính	Thời gian thực hiện	Yêu cầu (cần những gì để thực hiện)	Kết quả
1. Rà soát, đánh giá chuỗi sản xuất và cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chi tiết từng khâu trong quá trình SXKD (đầu vào, sản xuất, đầu ra). - Đánh giá chi tiết từng tác nhân trong chuỗi (các nhà cung cấp dịch vụ, thành viên, đối tác, khách hàng,...). 				
2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE	<ul style="list-style-type: none"> - Các tờ rơi, bài viết về LĐTE. - Lồng ghép nội dung truyền thông trong các hoạt động của HTX (các buổi họp, hội nghị,...). 				
3. Nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát	Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý các vi phạm LĐTE trong HTX, hộ thành viên.				

Biện pháp	Hành động cụ thể	Người chịu trách nhiệm chính	Thời gian thực hiện	Yêu cầu (cần những gì để thực hiện)	Kết quả
4. Xây dựng các chính sách	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không sử dụng LĐTE. - Cam kết khắc phục hậu quả. - Cam kết giảm thiểu các hoạt động xấu gây tác động đến vi phạm LĐTE. 				
5. Tổ chức sản xuất tập trung (nếu phù hợp)	Sản xuất theo tổ, nhóm.				
6. Hỗ trợ sinh kế cho các thành viên HTX	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HTX được kết nối với các tổ chức, các chương trình tín dụng. - Thành viên HTX được tham gia các hoạt động cung ứng và tiêu thụ tập trung thông qua HTX. 				
7. Phối hợp với các bên liên quan	Chiến lược huy động sự tham gia của các bên liên quan nhằm đảm bảo các biện pháp hiệu quả.				

Lưu ý: Có thể có nhiều hành động cho mỗi biện pháp.

Tóm tắt module 3

1. Vai trò của HTX trong các trường hợp: (i) HTX đã sử dụng LĐTE; (ii) HTX góp phần làm phát sinh vi phạm về LĐTE; (iii) Các tác nhân trong chuỗi cung ứng (hộ thành viên, khách hàng,...) của HTX sử dụng LĐTE.
2. HTX cần huy động sự tham gia của các bên liên quan trong công tác phối hợp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý các trường hợp vi phạm LĐTE.
3. HTX cần đưa ra các biện pháp và lập kế hoạch triển khai thực hiện.

Module

4

PHỤ LỤC

Mục tiêu

Cung cấp những thông tin cơ bản về quy định của luật pháp đối với lao động trẻ em.

Nội dung chính

Phụ lục 1. Luật Lao động năm 2019

Phụ lục 2. Thông tư số 09/2020/TT - BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH

- Phụ lục 2.1. Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm
- Phụ lục 2.2. Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm h, Khoản 1, Điều 147 của Bộ Luật lao động
- Phụ lục 2.3. Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm đ, Khoản 2, Điều 147 của Bộ Luật lao động
- Phụ lục 2.4. Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm

Phụ lục 3. Luật hình sự năm 2017

Phụ lục 4. Các website

Phụ lục 1. Bộ Luật lao động năm 2019

Mục 1 chương XI của Bộ Luật lao động năm 2019 quy định cụ thể về sử dụng lao động chưa thành niên, bao gồm:

- Điều 143. Lao động chưa thành niên;
- Điều 144. Nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên;
- Điều 145. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc;
- Điều 146. Thời giờ làm việc của người chưa thành niên;
- Điều 147. Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

Cụ thể như sau:

Điều 143. Lao động chưa thành niên

1. Lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi.
2. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không được làm công việc hoặc làm việc ở nơi làm việc quy định tại Điều 147 của Bộ luật này.
3. Người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi chỉ được làm công việc nhẹ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.
4. Người chưa đủ 13 tuổi chỉ được làm các công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 145 của Bộ luật này.

Điều 144. Nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên

1. Lao động chưa thành niên chỉ được làm công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách.
2. Người sử dụng lao động khi sử dụng lao động chưa thành niên có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động về các mặt lao động, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động.
3. Khi sử dụng lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ; lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
4. Người sử dụng lao động phải tạo cơ hội để lao động chưa thành niên được học văn hóa, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

Điều 145. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc

1. Khi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc, người sử dụng lao động phải tuân theo quy định sau đây:
 - a) Phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;
 - b) Bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến thời gian học tập của người chưa đủ 15 tuổi;
 - c) Phải có giấy khám sức khỏe của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền xác nhận sức khỏe của người chưa đủ 15 tuổi phù hợp với công việc và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong 06 tháng;

- d) Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.
2. Người sử dụng lao động chỉ được tuyển dụng và sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi vào làm các công việc nhẹ theo quy định tại khoản 3 Điều 143 của Bộ luật này.
 3. Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Điều này.

Điều 146. Thời giờ làm việc của người chưa thành niên

1. Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.
2. Thời giờ làm việc của người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không được quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề, công việc theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Điều 147. Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

1. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc sau đây:
 - a) Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
 - b) Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;
 - c) Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;
 - d) Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
 - đ) Phá dỡ các công trình xây dựng;
 - e) Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
 - g) Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;
 - h) Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
2. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc ở các nơi sau đây:
 - a) Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
 - b) Công trường xây dựng;
 - c) Cơ sở giết mổ gia súc;
 - d) Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
 - đ) Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định danh mục tại điểm h khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

Phụ lục 2. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản sau đây của Bộ Luật Lao động về lao động chưa thành niên:

1. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 145.
2. Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm theo quy định tại khoản 3 Điều 143.
3. Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm theo quy định tại khoản 2 Điều 146.
4. Danh mục công việc, nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định khoản 3 Điều 147.

Cụ thể như sau:

Phụ lục 2.1. Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Lập trình phần mềm.
4. Các nghề truyền thống: Chấm men gốm; cưa vỏ trai; làm giấy dó; làm nón lá; chấm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen; vẽ tranh sơn mài, se nhang, làm vàng mã (trừ các công đoạn có sử dụng hóa chất độc hại như sơn ta, hóa chất tẩy rửa, hóa chất dùng để ướp màu, hóa chất tạo mùi, tạo tàn nhang cong,...).
5. Các nghề thủ công mỹ nghệ: Thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống,...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhật vò sò, điệp để gắn trên tranh mỹ nghệ; mài đánh bóng tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm, đánh bóng trang sức mỹ nghệ; làm rối búp bê; làm thiếp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiếp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
6. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: Mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đốt, lá nón.
7. Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ việc vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
8. Nuôi tằm.
9. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
10. Chăn thả gia súc tại nông trại.
11. Phụ gỡ lưới cá, đan lưới cá, phơi khô thủy sản.
12. Cắt chỉ, đơm nút, thùa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.

Phụ lục 2.2. Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm h, Khoản 1, Điều 147 của Bộ Luật lao động

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).
2. Đốt và ra lò luyện cốc.
3. Đốt lò đầu máy hơi nước.
4. Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa, trấu) và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h).
5. Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar.
6. Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).
7. Lắp đặt khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).
8. Thu gom bã thải sản xuất cồn công nghiệp.
9. Vận hành máy hồ vải sợi.
10. Nhuộm, hấp, vải sợi.
11. Chủ nhiệm kho, thủ kho, phụ kho hóa chất, thuốc nhuộm.
12. Khai thác đá, đập đá thủ công, cấy bẫy đá trên núi.
13. Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.
14. Tuyển quặng chì.
15. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).
16. Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.
17. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.
18. Cưa xẻ gỗ 2 người kéo bằng phương pháp thủ công.
19. Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.
20. Vận xuất gỗ lớn, xeo bản, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.
21. Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.
22. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.
23. Lái máy kéo nông nghiệp.
24. Các công việc khai thác phân dơi; khai thác tổ yến tự nhiên ngoài đảo.
25. Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.

26. Vận hành các máy bào trong nghề gỗ (trừ máy cầm tay).
27. Trực tiếp nuôi, huấn luyện thú dữ hoặc động vật có nọc độc.
28. Sơ chế tre, nứa, mây và cói, nếu có sử dụng hóa chất độc hại.
29. Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.
30. Công việc phải làm một mình trên đường sắt, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m.
31. Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.
32. Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.
33. Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện.
34. Khảo sát đường sông.
35. Các công việc trên tàu đi biển, trừ trường hợp đủ 16 tuổi trở lên.
36. Lắp đặt giàn khoan.
37. Làm việc ở giàn khoan trên biển.
38. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triền đê.
39. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
40. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.
41. Cán ép tấm da lớn, cứng.
42. Tráng paraffin trong bể rượu.
43. Lưu hoá, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: Thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.
44. Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: Giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.
45. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.
46. Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/h.
47. Các công việc đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy phải mang vác, gá đặt vật gia công có trọng lượng từ 20kg trở lên.
48. Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.
49. Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.
50. Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
51. Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin.
52. Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.
53. Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700V trong trường hợp dòng điện một chiều; trên 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện đó.
54. Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông,... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

55. Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hoá chất.
56. Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon.
57. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen.
 - 57.1. Hóa chất: 5 Fluro- uracil.
 - 57.2. Hóa chất: Benzen.
58. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất, hợp chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng):
 - 58.1. Estrogen;
 - 58.2. Axít cis-retinoic;
 - 58.3. Cacbaryl;
 - 58.4. Dibromua clo propan(DBCP);
 - 58.5. Toluendiamin và dinitrotoluen;
 - 58.6. Polyclorin biphenyl (PCBs);
 - 58.7. Polybromua biphenyl (PBBs).
59. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm các khâu: sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:
 - 59.1. Hóa chất: 1,4 butanediol, dimetansunfonat;
 - 59.2. Hóa chất: 4 aminnobiphenyl;
 - 59.3. Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crocidolit;
 - 59.4. Asen (hay thạch tín), canxi asenat;
 - 59.5. Dioxin;
 - 59.6. Diclorometyl-ete;
 - 59.7. Các loại muối cromat không tan;
 - 59.8. Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá;
 - 59.9. Xyclophotphamit;
 - 59.10. Dietylstilboestol;
 - 59.11. Hóa chất: 2, Naphtylamin;
 - 59.12. Hóa chất: N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin;
 - 59.13. Thori dioxyt;
 - 59.14. Theosufan;
 - 59.15. Vinyl clorua, vinyl clorid;
 - 59.16. Hóa chất: 4- amino, 10- metyl folic axít;
 - 59.17. Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;
 - 59.18. Nitơ pentoxyt;
 - 59.19. Hóa chất: 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;

- 59.20. Hóa chất: 2- alphaphenyl-beta axetyletyl;
 - 59.21. Axety salixylic axít;
 - 59.22. Asparagin;
 - 59.23. Benomyl;
 - 59.24. Boric axít;
 - 59.25. Cafein;
 - 59.26. Dimetyl sunfoxid;
 - 59.27. Direct blue-1;
 - 59.28. Focmamid;
 - 59.29. Hydrocortison, Hydrocortission axetat;
 - 59.30. Iod (kim loại);
 - 59.31. Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì);
 - 59.32. Mercapto, purin;
 - 59.33. Kali bromua, kali iodua;
 - 59.34. Propyl- thio- uracil;
 - 59.35. Ribavirin;
 - 59.36. Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
 - 59.37. Tetrametyl thiuram disunfua;
 - 59.38. Trameinnolon axetonid;
 - 59.39. Triton WR-1339;
 - 59.40. Trypan blue;
 - 59.41. Valproic axít;
 - 59.42. Vincristin sunfat;
 - 59.43. Khí dụng Vinazol.
60. Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây
- 60.1. Oxyt cacbon (CO): trong vận hành lò tạo khí than, thải xỉ;
 - 60.2. Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin;
 - 60.3. Các hợp chất có gốc xianua (-CN-);
 - 60.4. Phốt pho và các hợp chất P_2O_5 , P_2S_5 , PCl_3 , H_3P ;
 - 60.5. Trinitro toluen (TNT);
 - 60.6. Mangan dioxyt (MnO_2);
 - 60.7. Photgein ($COCl_2$);
 - 60.8. Disunfua cacbon(CS_2);
 - 60.9. Oxit nitơ và axit nitric;
 - 60.10. Anhydrit sunfuaric và axit sunfuaric;
 - 60.11. Đất đèn (CaC_2) như vận hành lò đất đèn dạng hử, thải xỉ.

61. Làm việc trong thùng chìm.
62. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bắn hơi thổi.
63. Sản xuất photpho vàng.
64. Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mả, các công việc trong nhà xác.
65. Nhật hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.
66. Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.
67. Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo.
68. Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên:

Tuổi của lao động chưa thành niên	Công việc không thường xuyên (kg)		Công việc thường xuyên (kg)	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8
Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15

69. Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì.

Phụ lục 2.3. Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm đ, Khoản 2, Điều 147 của Bộ Luật lao động

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có trong môi trường lao động nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, bao gồm: Điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng, bụi than, bụi tale; các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X, các chất độc hại và các tia có hại khác.
2. Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.
3. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom.
4. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 300.
5. Các công việc ở trong hố sâu hơn 5m.
6. Làm việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.

Phụ lục 2.4. Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. Nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Viết văn, viết báo.
4. Lập trình phần mềm.
5. Các nghề truyền thống: Chấm men gốm; làm giấy dó; làm nón lá; se nhang; chấm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen.
6. Các nghề thủ công mỹ nghệ: Thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống,...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhật vở sò, điệp,... để gắn trên tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm; làm rối búp bê; làm thiếp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiếp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
7. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: Mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đốt, lá nón.
8. Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ trường hợp vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
9. Cắt chỉ, đơm nút, thùa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.
10. Đưa tin, thư bưu phẩm, bưu kiện; đóng gói bưu phẩm.
11. Bán hàng tận nhà; bán hàng qua điện thoại; bán hàng trực tuyến.
12. Đánh giày; chế biến, bán hàng thực phẩm trên hè phố.
13. Gia sư; quét dọn, giúp việc trong các gia đình; phụ giúp vệ sinh nhà cửa.
14. Bảo vệ, trông xe các cơ quan, doanh nghiệp, nhà hàng.
15. Thu tiền từ máy bán hàng tự động, ghi số từ các đồng hồ; thu ngân, bán hàng trong siêu thị.
16. Công việc trong nhà hàng, quán ăn, quán cà phê: Lễ tân, pha chế đồ uống, phụ bàn, phụ bếp, đầu bếp, tạp vụ.
17. Công việc văn phòng: Photo, đánh máy, trực điện thoại.
18. Dịch vụ bán hàng: Quần áo, giày dép, sách báo, tạp hóa.
19. Sơ chế nông sản: Phân loại, gọt vỏ, bóc vỏ, tách nhân, đóng gói.
20. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
21. Nuôi gia súc, gia cầm, nuôi giun, dế, côn trùng không độc hại, nguy hiểm.

II. Nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm ban đêm

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.

Phụ lục 3. Luật Hình sự năm 2017

(Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015, sửa đổi năm 2017)

Điều 296. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi

1. Người nào sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:
 - a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
 - b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
 - c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:
 - a) Phạm tội 02 lần trở lên;
 - b) Đối với 02 người trở lên;
 - c) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
 - d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;
 - đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 61% trở lên.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.
 - a) Làm chết 02 người trở lên;
 - b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;
 - c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.
4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 297. Tội cưỡng bức lao động

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:
 - a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
 - c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:
- a) Có tổ chức;
 - b) Đối với 02 người trở lên;
 - c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;
 - d) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
 - đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;
 - e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 61% trở lên;
 - g) Tái phạm nguy hiểm.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:
- a) Làm chết 02 người trở lên;
 - b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;
 - c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.
4. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Phụ lục 4. Các website liên quan

- Luật trẻ em năm 2016 của Việt Nam

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx>

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-56-2017-ND-CP-huong-dan-Luat-tre-em-340397.aspx>

- Công ước số 138 của ILO

<https://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=32648>

- Công ước số 182 của ILO

<https://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=32593>

Danh mục tài liệu tham khảo

Một số tài liệu tham khảo của Dự án ENHANCE/ILO:

1. Sổ tay hướng dẫn truyền thông về LĐTE
2. Những điều cần biết về LĐTE
3. Bạn biết gì về LĐTE
4. Tờ rơi Pháp luật nghiêm cấm sử dụng LĐTE
5. Tờ rơi Bạn biết gì về lao động trẻ em
6. Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE dành cho DN
7. SCREAM tài liệu tập huấn
8. SCREAM tài liệu tham khảo
9. Tài liệu hướng dẫn cho GV
10. Khóa tập huấn DN về phòng ngừa LĐTE

Chỉ đạo biên soạn

Nguyễn Mai Oanh - Quản lý Dự án

Nhóm tác giả

(Trường Bồi dưỡng cán bộ - Liên minh Hợp tác xã Việt Nam)

Lê Minh Tân

Vũ Thị Bích Hà

Nguyễn Tuấn Doanh

Chỉnh sửa và hiệu đính

(Dự án ENHANCE/ILO)

Hoàng Thị Tố Linh

Nguyễn Hương Giang

Trình bày mỹ thuật

ASDesign

Văn phòng ILO tại Việt Nam

-  304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
-  Tel: +84 24 38 500 100
-  Email: hanoi@ilo.org
-  www.ilo.org/hanoi
-  www.facebook.com/Vietnam.ILO

